ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
*	
Số 297 -BC/ĐUK	*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

ĐẢNG ỦY CƠ QUAN LIÊN MINH HTX VIỆT NAM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 257
Ngày 21 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO
kết quả thi hành Điều lệ Đảng

Căn cứ Công văn số 4819-CV/BTCTW, ngày 13/3/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về việc báo cáo kết quả thi hành Điều lệ Đảng, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương *(sau đây viết tắt là Đảng ủy Khối)* báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐẢNG BỘ KHỐI

1. Đặc điểm tình hình

Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương (viết tắt là Đảng bộ Khối) được thành lập theo Quyết định số 47-QĐ/TW ngày 11/4/2007 của Bộ Chính trị, trên cơ sở tổ chức lại 7 đảng bộ khối cơ quan Trung ương trước đây, bao gồm các tổ chức đảng trong các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, Nhà nước (*các ban, bộ, ngành, đơn vị sự nghiệp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội)* ở Trung ương. Các đảng bộ thuộc Đảng bộ Khối có độ chênh lệch rất lớn về quy mô, đa dạng về loại hình; tình trạng tổ chức cơ sở đảng trong đảng bộ cơ sở, đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc trực tiếp trực thuộc đảng ủy cấp trên cơ sở còn nhiều; một số cơ quan, đơn vị do bộ, ngành, đơn vị sự nghiệp Trung ương thành lập, thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ của bộ, ngành quản lý, nhưng về tổ chức đảng lại trực thuộc cấp ủy địa phương. Đội ngũ cán bộ làm chuyên trách công tác đảng ở các đảng ủy trực thuộc thiếu về số lượng, nghiệp vụ công tác đảng chưa sâu, kinh nghiệm còn hạn chế; chế độ, chính sách, kinh phí và điều kiện hoạt động của các cấp ủy chưa tương xứng với vai trò, vị trí của các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương. Hiện nay, Đảng bộ Khối có 61 đảng bộ trực thuộc, trong đó có 34 đảng bộ cấp trên cơ sở và 27 đảng bộ cơ sở), có 1.061 tổ chức cơ sở đảng, 5.175 chi bộ trực thuộc với tổng số 78.163 đảng viên ở trong nước và ngoài nước *(số liệu tính đến 31/12/2022)*.

Đảng ủy Khối là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị và Ban Bí thư; có chức năng lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị, xây dựng thổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan và các đoàn thể trong Khối vững mạnh và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 16-QĐ/TW, ngày 18/6/2021 của Bộ Chính trị. Hiện nay, Ban Chấp hành Đảng bộ

Khối có 49/54 đồng chí, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối có 16/16 đồng chí, Thường trực Đảng ủy Khối 04 đồng chí.

2. Thuận lợi, khó khăn tác động trực tiếp đến việc triển khai, thực hiện Điều lệ Đảng

2.1. Thuận lợi

- Ngay từ khi thành lập Đảng ủy Khối luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của các ban đảng Trung ương; vì vậy, công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng ủy Khối và các Đảng ủy trực thuộc đã từng bước ổn định hoạt động hiệu quả, công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng nói riêng cơ bản thuận lợi.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều văn bản quy định, quyết định, hướng dẫn về công tác tổ chức xây dựng đảng và đội ngũ cán bộ đảng viên, là cơ sở, căn cứ để Đảng ủy Khối và các cấp ủy trực thuộc cụ thể hóa, triển khai thực hiện kịp thời.

- Đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Khối có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị; nhiều cán bộ được đào tạo cơ bản, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn; nhiều đồng chí giữ cương vị lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đặc biệt, có nhiều đảng viên là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Chấp hành Trung ương Đảng.

2.2. Khó khăn

- Đảng ủy Khối là cấp ủy trực thuộc Trung ương (không có chính quyền cùng cấp) được cấu thành từ nhiều cấp, đóng trên địa bàn cả nước và ở ngoài nước, nên việc lãnh đạo, chỉ đạo từ trên xuống còn hạn chế, việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của các tổ chức đảng chưa thực sự đồng bộ, hiệu quả.

- Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương là tổ chức đảng có đặc điểm riêng; nhiều văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương chỉ quy định cho cấp ủy địa phương, không cụ thể cho đặc thù riêng của Đảng ủy Khối, do vậy phải vận dụng khi thực hiện.

- Cấp ủy các cấp thay đổi theo nhiệm kỳ, việc điều chuyển cán bộ chủ chốt các cấp được thực hiện thường xuyên theo yêu cầu của Đảng, ít nhiều ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nền nếp công tác xây dựng Đảng nói chung.

- Các đồng chí cấp ủy viên hầu hết là kiêm nhiệm, khối lượng công việc chuyên môn nhiều, do vậy thời gian dành cho công tác đảng còn ít; nhiều đồng chí mới tham gia cấp ủy, kinh nghiệm còn có mặt hạn chế.

- Nhiều đảng bộ có đảng viên phân tán, công tác lưu động ở các tỉnh, thành phố trong nước, ngoài nước như: cơ quan thông tấn, báo chí, đối ngoại, kiểm toán,

giao thông...; một số tổ chức cơ sở đảng, chi bộ có đông đảng viên, công tác xây dựng Đảng, duy trì nền nếp sinh hoạt đảng, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên gặp khó khăn.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG (TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY)

1. Công tác phổ biến, nghiên cứu, quán triệt Điều lệ, quy định và hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI thông qua ngày 19/01/2011, ngay sau khi Điều lệ Đảng ban hành, Đảng ủy Khối đã kịp thời tổ chức phổ biến, quán triệt đến các đảng ủy trực thuộc, chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện đến các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong đảng bộ, cụ thể:

- Năm 2011, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Điều lệ Đảng khóa XI, Quy định số 45-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 05/01/2012 của Ban Bí thư Trung ương về Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

- Năm 2014, phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương ban hành kèm theo Quy chế bầu cử trong Đảng; Hướng dẫn số 04-HD/TW, ngày 06/10/2014 của Ban Bí thư khóa XI Một số vấn đề cụ thể thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Năm 2016, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư Trung ương về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

- Năm 2020, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Hướng dẫn số 03-HD/TW, ngày 20/3/2020 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng. Năm 2021, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

Nhìn chung từ năm 2011 đến nay, các cấp ủy đảng trong Đảng bộ Khối luôn chú trọng triển khai thực hiện công tác nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng đến toàn thể cán bộ, đảng viên, gắn với việc quán triệt, học tập đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quy định mới của Trung ương, nhằm nâng cao nhận thức và tạo điều kiện thuận lợi cho cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nắm vững và đảm bảo thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

2. Việc ban hành các văn bản cụ thể hóa các nội dung trong quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng

Thực hiện Điều lệ Đảng khóa XI, các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XI, XII, XIII, Đảng ủy Khối đã cụ thể hóa bằng văn bản các nội dung quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng cho phù hợp với đặc điểm, tình hình các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương[1] *(Biểu số 1 về thống kê các văn bản đã ban hành kèm theo)*. Sau Đại hội Đảng bộ Khối các nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020, 2020 - 2025, Đảng ủy Khối ban hành các văn bản: Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối; Chương trình công tác toàn khóa, hằng năm của Đảng ủy Khối, của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối; Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm của Ban Thường Đảng ủy Khối.

Nhìn chung, trong thời gian qua, căn cứ các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, Đảng ủy Khối và các đảng ủy trực thuộc đã chủ động nghiên cứu, kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hóa các quy định của cấp ủy cấp trên để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng có sự điều chỉnh, bổ sung qua các kỳ Đại hội Đảng, trong khi đó Điều lệ Đảng vẫn giữ nguyên, do đó trong quá trình thực hiện khi phát sinh những tình huống chưa có trong các quy định, hướng dẫn của Trung ương, việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy trong Đảng bộ Khối còn gặp khó khăn, lúng túng.

---

[1]. Từ năm 2011 đến nay, Đảng ủy Khối đã ban hành: Chỉ thị số 03-CT/DUK, ngày 10/11/2011 về "nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương"; Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK, ngày 10/01/2012 về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương; Nghị quyết số 02-NQ/ĐUK, ngày 10/10/2012 về "Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị tư tưởng"; Kế hoạch số 02-KH/ĐUK, ngày 20/02/2013 về triển khai nhiệm "Năm nâng cao chất lượng chi bộ"; Nghị quyết số 03-NQ/ĐUK, ngày 18/3/2013 về "Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong Đảng bộ Khối"; Chỉ thị số 05-CT/ĐUK, ngày 07/4/2015 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về việc phòng, chống những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên; Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK, ngày 19/8/2016 về "Nâng cao chất lượng chi bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương"; Chỉ thị số 01-CT/ĐUK, ngày 23/6/2016 về "Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương"; Nghị quyết số 02-NQ/ĐUK, ngày 27/10/2016 về "đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương"; Nghị quyết số 03-NQ/ĐUK, ngày 24/01/2017 về "nhiệm vụ công tác năm 2017"; Nghị quyết số 04-NQ/ĐUK, ngày 25/01/2017 về "Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của đảng bộ các cơ quan Nhà nước", Nghị quyết số 05-NQ/ĐUK, ngày 25/01/2017 về "đổi mới công tác tư tưởng nhằm đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ"; Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK ngày 25/01/2017 về "Tăng cường tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên"; Nghị quyết số 07-NQ/ĐUK, ngày 31/8/2017 về "đẩy mạnh cải cách hành chính trong công tác đảng của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương"; Nghị quyết số 08-NQ/ĐUK, ngày 31/8/2017 về "nâng cao chất lượng, hiệu quả cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Khối và các đảng ủy trực thuộc"; Kết luận số 157-KL/ĐUK, ngày 29/11/2017 về "nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương"; Kết luận số 328-KL/ĐUK, ngày 27/8/2019 về "tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng"; Nghị quyết số 08-NQ/ĐUK, ngày 03/02/2021 về "Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới"...

3. Kết quả tổ chức thi hành Điều lệ Đảng

3.1. Việc thi hành các nội dung nêu tại phần mở đầu về Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng.

Đảng ủy Khối đã tổ chức nghiên cứu, học tập và quán triệt sâu sắc các nội dung về sự thành lập và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; về những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng đến các đảng ủy trực thuộc và chỉ đạo thuộc phổ biến, quán triệt sâu rộng tới các cấp ủy, tổ chức đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Qua đó, nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về bản chất giai cấp, mục đích, lý tưởng, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam; về vị trí, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị ở nước ta; nắm vững các nguyên tắc hoạt động của Đảng và những nội dung cơ bản trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ.

3.2. Về đảng viên (Chương I)

Các cấp ủy đảng trong Đảng bộ Khối đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định, hướng dẫn về công tác đảng viên, xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Trong thời gian qua, Đảng ủy Khối và các cấp ủy trực thuộc đã thực hiện đúng các quy định về công phát triển đảng và quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ cho đảng viên, đảm bảo nguyên tắc sinh hoạt đảng, chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên; thường xuyên thực hiện việc rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Khối.

3.2.1. Kết quả thi hành các quy định về đảng viên

(1) Về công tác phát triển đảng: Các cấp ủy trong Đảng bộ Khối luôn quan tâm, thực hiện thường xuyên đảm bảo chặt chẽ, đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục xem xét, kết nạp đảng viên khi có đủ điều kiện và tiêu chuẩn của người vào Đảng (theo quy định tại Điều 1), phấn đấu đủ chỉ tiêu về số lượng nhưng chú trọng bảo đảm chất lượng kết nạp đảng viên mới[2]. Từ năm 2011 đến nay, toàn Đảng bộ Khối đã kết nạp được ***42.913*** đảng viên mới *(Biểu số 2 gửi kèm);* việc xem xét kết nạp lại người vào Đảng, kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt được các cấp uỷ có thẩm quyền xem xét thận trọng, khách quan theo quy định của Bộ Chính trị. Hầu hết đảng viên mới kết nạp đều có ý chí phấn đấu và rèn luyện, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất, đạo đức và lối sống lành mạnh, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong các hoạt động của cơ quan, đơn vị;

---

[2] . Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đã ban hành Chỉ thị số 03-CT/ĐUK, ngày 10/11/2011 về nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương; Kết luận số 157-KL/ĐUK, ngày 29/11/2017 về nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương.

tỷ lệ đảng viên nữ, đảng viên trẻ tăng lên hàng năm; về trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ được nâng lên, đến nay 100% đảng viên mới có trình độ trung học phổ thông. Đảng ủy Khối và các cấp ủy trực thuộc thực hiện đúng quy trình, quy định về thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên, thời hạn tổ chức lễ kết nạp đảng viên, xét công nhận đảng viên chính thức; quy trình, thủ tục xóa tên đảng viên, cho đảng viên ra khỏi Đảng.

(2) Thực hiện phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên: Việc phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên được các cấp ủy, chi bộ thực hiện nghiêm túc; đảng viên dự bị sau khi có quyết định công nhận đảng viên chính thức của cấp có thẩm quyền được làm và phát thẻ đảng viên kịp thời; việc cấp lại thẻ đảng viên bị mất, đổi thẻ đảng viên bị hỏng được thực hiện đúng quy trình, quy định[3]; qua công tác kiểm tra đóng dấu kỹ thuật thẻ đảng viên, cơ bản đảng viên trong Đảng bộ Khối thực hiện đúng quy định về sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên. Công tác quản lý và bảo quản hồ sơ đảng viên đảm bảo thực hiện chặt chẽ theo chế độ mật; việc rà soát, bổ sung hồ sơ đảng viên, phiếu đảng viên hằng năm cơ bản thực hiện kịp thời[4].

(3) Về nhiệm vụ, quyền của đảng viên: Đảng ủy Khối đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc cụ thể hóa các quy định của Điều lệ Đảng về nhiệm vụ, quyền hạn của đảng viên cho phù hợp đặc điểm, tình hình và nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; các chi bộ trong Đảng bộ Khối đã triển khai thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên hằng năm, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công của đảng viên làm cơ sở để đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên cuối năm; đồng thời, cấp ủy, chi bộ luôn chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh quy định về quyền của đảng viên như: Phổ biến, cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi để đảng viên thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, nghị quyết, quy định, chỉ thị của Đảng; ứng cử, đề cử và bầu cử cấp ủy theo quy định; phê bình, chất vấn về hoạt động của chi ủy, tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời; trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình; khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình.

(4) Về quản lý đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên: Đảng ủy Khối và các đảng ủy trực thuộc luôn chú trọng công tác quản lý đảng viên, đã ban hành các văn bản cụ thể hóa các quy định của Trung ương để triển khai thực hiện

---

[3] . Sau khi thực hiện việc kiểm tra kỹ thuật thẻ đảng viên lần thứ 3 (năm 2016), xét đổi 888 thẻ đảng viên bị hỏng, cấp lại 1.022 thẻ đảng viên bị mất; kiểm tra kỹ thuật thẻ đảng viên lần thứ 4 (năm 2021), xét đổi 1.092 thẻ đảng viên bị hỏng, cấp lại 965 thẻ đảng viên bị mất.

[4] . Đảng ủy Bộ Ngoại giao quản lý hồ sơ đảng viên, thẻ đảng viên và danh sách đảng viên ở ngoài nước theo quy định của Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban tổ chức Trung ương.

công tác quản lý đảng viên[5]; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy địa phương nơi đảng viên đang cư trú, thực hiện tốt Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú. Hằng năm chỉ đạo, thực hiện nghiêm việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ, lãnh đạo quản lý các cấp; đảm bảo việc đánh giá, khách quan, công tâm, phân loại đúng thực chất chất lượng đảng viên. Qua đó, rà soát, sàng lọc đảng viên, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng[6], không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Khối.

Công tác chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên được các cấp ủy thực hiện thường xuyên, đảm bảo quy trình, thủ tục và thời hạn theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương, trung bình mỗi năm Đảng ủy Khối và các đảng ủy cấp trên cơ sở thực hiện việc chuyển sinh hoạt đảng cho trên một nghìn đảng viên *(tính cả đảng viên chuyển sinh hoạt đảng ra ngoài ngoài Đảng bộ Khối và đảng viên chuyển sinh hoạt đảng đến các đảng bộ trong Đảng bộ Khối)*.

(5) Về thực hiện chế độ sinh hoạt đảng của đảng viên, giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng cho đảng viên tuổi cao, sức yếu.

Các cấp ủy, chi bộ luôn chấp hành thực hiện nghiêm túc quy định về chế độ sinh hoạt đảng của đảng viên, đảm bảo các điều kiện để đảng viên tham gia sinh hoạt đảng thường kỳ hàng tháng đều đặn và đầy đủ; việc xem xét giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng đối với đảng viên không vì lý do tuổi cao, sức yếu *(phải điều trị bệnh dài ngày; ra nước ngoài làm nhiệm vụ đơn lẻ, vì việc riêng như du lịch, thăm thân, chữa bệnh; đi làm việc lưu động ở các địa phương, đơn vị trong nước thời gian dưới 1 năm...không có điều kiện trở về tham gia sinh hoạt chi bộ theo quy định; đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ quy định của Nhà nước có nguyện vọng được miễn sinh hoạt trong thời gian nghỉ chờ quyết định nghỉ hưu; đảng viên nữ trong thời gian nghỉ sinh con theo quy định của Bộ Luật lao động có nguyện vọng miễn sinh hoạt đảng...)* được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, khách quan, đảm bảo quyền lợi của đảng viên, đến thời điểm hiện nay trong Đảng bộ Khối có 54 đảng viên thuộc các đối tượng trên được miễn công tác và sinh hoạt đảng.

---

[5]. Kế hoạch số 08-KH/ĐUK, ngày 18/01/2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về triển khai "Năm tăng cường công tác quản lý đảng viên"; Chỉ thị số 03-CT/ĐUK, ngày 10/11/2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về tăng cường công tác quản lý đảng viên trong Đảng bộ Khối.

[6]. Từ đầu nhiệm kỳ 2020-2025 đến nay, các đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Khối đã đưa ra khỏi Đảng 41 trường hợp (trong đó khai trừ 09 trường hợp, xóa tên 32 trường hợp).

3.2.2.Hạn chế, khuyết điểm; khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về đảng viên

** Hạn chế, khuyết điểm:*

- Một số cấp ủy chưa thực sự quan tâm đến công tác phát triển đảng, việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển viên hằng năm của đảng bộ, chi bộ chưa cụ thể, phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị; công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các chi bộ xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đảng viên chưa thường xuyên nên việc kết nạp quần chúng ưu tú vào Đảng chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao (còn có đảng bộ cơ sở 1 năm không kết nạp được đảng viên nào); có nơi kết nạp người vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức sai quy định (quần chúng chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng nhưng vẫn được kết nạp vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức); việc xét công nhận đảng viên chính thức chậm so với thời hạn quy định.

- Một số tổ chức cơ sở đảng chưa chú trọng thực hiện công tác quản lý hồ sơ đảng viên; tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ còn để thất lạc hoặc còn thiếu chưa hoàn thiện bổ sung đúng quy định nên khi có việc cần nghiên cứu, khai thác hồ sơ đảng viên hoặc thực hiện chuyển sinh hoạt cho đảng viên gặp nhiều khó khăn; việc đối chiếu danh sách đảng viên với số lượng hồ sơ đảng viên, đối khớp bổ sung hồ sơ đảng viên, phiếu đảng viên hằng năm thực hiện chưa nghiêm.

- Công tác quản lý đảng viên ở một số cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ còn hạn chế, chưa có sự phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi đảng viên công tác và cấp ủy địa phương nơi đảng viên cư trú để giám sát đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ chuyên môn được giao và thực hiện trách nhiệm của đảng viên với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên ở các đảng bộ trực thuộc còn thụ động, trách nhiệm chưa cao; chưa hoàn thành nhiệm vụ người đảng viên và nhiệm vụ chuyên môn được giao; còn có đảng viên thiếu gương mẫu, vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm đến mức bị thi hành kỷ luật.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên thực hiện chưa nghiêm chế độ sinh hoạt đảng và chuyển sinh hoạt đảng của đảng viên: Cấp ủy đã làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng, giao hồ sơ (đã niêm phong) cho đảng viên tự bảo quản và thực hiện các thủ tục chuyển sinh hoạt đảng theo quy định, nhưng sau 30 ngày làm việc (kể từ ngày giới thiệu chuyển đi) đảng viên không xuất trình giấy giới thiệu sinh hoạt đảng với chi ủy nơi chuyển đến để được sinh hoạt đảng, mà không có lý do chính đáng; việc phối hợp giữa cấp ủy, tổ chức đảng nơi có đảng viên chuyển đi và nơi tiếp nhận đảng viên chuyển đến (không có phiếu báo chuyển sinh hoạt đảng) trong quản lý đảng viên còn lỏng lẻo, chưa rõ trách nhiệm nên dẫn đến có trường hợp đảng viên tự ý không nộp hồ sơ, bỏ sinh hoạt đảng mà không bị

cấp ủy có thẩm quyền xem xét, xử lý kịp thời theo quy định; vẫn còn đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức khi nghỉ chế độ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động nhưng không chuyển sinh hoạt đảng về nơi cư trú.

** Khó khăn, vướng mắc:*

- Việc tạo nguồn phát triển đảng viên ở một số đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối hiện nay gặp nhiều khó khăn, như các đảng bộ: Văn Phòng Chủ tịch nước, Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Cơ quan Trung ương Hội Cựu chiến binh, Cơ quan Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Cơ quan Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam; vì cán bộ, công chức, người lao động được tuyển dụng, điều động, luân chuyển, ký hợp đồng làm việc tại các cơ quan này đối tượng là quần chúng rất ít, có nơi không có quần chúng.

- Về quy trình, thời hạn, thẩm quyền xét quyết định kết nạp đảng viên, xét công nhận đảng viên chính thức được cấp ủy có thẩm quyền thực hiện đúng quy định. Nhưng do đặc thù, trong các đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Khối có nhiều tổ chức đảng có trụ sở làm việc ở các tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước và ở ngoài nước, quá trình thực hiện công nhận đảng viên chính thức ở một số đảng bộ còn gặp khó khăn, vướng mắc (*thời hạn có **30 ngày làm việc là ít đối với đảng bộ có địa bàn rộng trên phạm vi cả nước**)* thường bị chậm so với thời hạn quy định.

- Quy định về thời hạn xét công nhận đảng viên chính thức áp dụng đối với các trường hợp đảng viên dự bị bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo nhưng chưa đến mức xoá tên, đảng viên dự bị có được xét và đề nghị cấp có thẩm quyền xét quyết định công nhận đảng viên chính thức không, cụ thể trong việc thiết lập hồ sơ kỷ luật đối với đảng viên dự bị của chi bộ, đảng bộ cơ sở còn khó khăn, vướng mắc, chưa có hướng dẫn xử lý các trường hợp này.

3.2.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về đảng viên

- Đề nghị quy định, hướng dẫn cụ thể:

+ Nội hàm quy định "điều kiện, tiêu chuẩn" của người vào Đảng theo quy định tại Điều 1 Điều lệ Đảng, vì trong quá trình thực hiện có nhiều ý kiến khác, nhận thức về điều kiện, tiêu chuẩn của người vào Đảng chưa thống nhất, là nguyên nhân gây ra những tiêu cực trong công tác kết nạp quần chúng vào Đảng, nhất là ảnh hưởng đến chất lượng đảng viên mới kết nạp;

+ Việc xét công nhận đảng viên chính thức đối với trường hợp đảng viên dự bị bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo nhưng chưa đến mức xoá tên.

+ Về quyền phê bình, chất vấn của đảng viên về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

+ Về thủ tục, điều kiện xem xét quyết định giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng cho đảng viên, vì hiện nay vẫn còn đảng viên là cán bộ, công chức khi nghỉ hưu không chuyển sinh hoạt đảng về nơi cư trú.

- Đề nghị chuẩn hóa kích thước các mẫu biểu nghiệp vụ công tác đảng viên về khổ A4 để thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, lưu giữ hồ sơ tài liệu đảng viên (lý lịch người xin vào Đảng, lý lịch Đảng viên, giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng, các loại giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng kết nạp đảng, đảng viên mới...).

- Đề xuất sửa đổi quy định việc cấp ủy cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên ghi bổ sung những thay đổi vào lý lịch đảng viên hằng năm bằng việc chỉ ghi bổ sung hồ sơ đảng viên khi đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức. Bởi vì hiện nay hằng năm đảng viên đều đã có bản khai phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên, có xác nhận của chi bộ và cấp ủy cơ sở; các đảng ủy cấp trên cơ sở cũng đã triển khai thực hiện phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên, đã cập nhật những thay đổi hằng năm của đảng viên vào phần mềm. Bên cạnh đó, nhiều tổ chức cơ sở đảng đông đảng viên nhưng cán bộ làm công tác đảng đều là kiêm nhiệm nên việc ghi bổ sung vào lý lịch đảng viên hằng năm còn gặp khó khăn.

3.3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng (Chương II)

3.3.1. Kết quả thi hành các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng

Cấp ủy đảng các cấp trong Đảng bộ Khối nhận thức sâu sắc và thực hiện nghiêm túc các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng. Trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác tổ chức, cán bộ, công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội luôn đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trên cơ sở quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, Đảng ủy Khối và các đảng ủy trực thuộc đã cụ thể hóa thành quy định, quy chế, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và người đứng đầu; đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy dân chủ, phối hợp chặt chẽ với đảng đoàn, ban cán sự đảng và lãnh đạo cơ quan, đơn vị để lãnh đạo các tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, xây dựng tổ chức đảng chức và cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Công tác kiện toàn, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức cơ sở đảng được quan tâm thực hiện; công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bội dưỡng cán bộ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình quy định. Đã cụ thể hóa Quy chế bầu cử trong Đảng cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của đảng bộ nhưng vẫn đảm bảo đúng nguyên tắc, hình thức bầu cử; quyền hạn, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan đến bầu cử; việc ứng cử, đề cử, quy định về số dư, trình tự, thủ tục bầu cử.... Thực

hiện tốt các chỉ thị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, đã góp phần xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên của đảng ủy và các chi bộ bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

3.3.2. Những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng

(1) Về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

- Về thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

Căn cứ vào Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương, ngay từ đầu nhiệm kỳ 2010-2015; 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025, Đảng ủy Khối và các cấp ủy, tổ chức đảng đã xây dựng quy chế làm việc; trong đó, quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; đồng thời ban hành quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra cấp ủy cùng cấp; ban thường vụ cấp ủy ban hành quy chế làm việc cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ về "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách", đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. Quy chế làm việc của Đảng ủy Khối và quy chế làm việc các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Khối đã báo cáo kịp thời Ban Bí thư Trung ương Đảng; đồng thời thông báo cho các đảng ủy trực thuộc biết Quy chế làm việc của Đảng ủy Khối, trên cơ sở đó xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy cấp mình cho phù hợp và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định để thực hiện. Chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách, lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy đảng; phân công nhiệm vụ cho cấp ủy viên; đề cao vai trò, trách nhiệm ủy viên cấp ủy, bí thư cấp ủy.

Tuy nhiên, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong tổ chức và hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng có nội dung chưa được quy định cụ thể phù hợp với tình hình thực tế, nhất là về mối quan hệ, trách nhiệm giữa tập thể, cá nhân và người đứng đầu, nên khó xác định trách nhiệm của cá nhân khi xảy ra sai phạm.

- Về trách nhiệm của cấp ủy trước đại hội cùng cấp

Đảng ủy Khối và các cấp ủy đảng trực thuộc đã thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ thị về tổ chức đại hội đảng các cấp; đảm bảo thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ về Quy chế bầu cử trong Đảng. Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng và phân bổ đại biểu theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên. Việc thẩm tra tư cách đại biểu, bác bỏ tư cách đại biểu dự đại hội đảng các cấp được thực hiện đảm bảo quy định. Công tác nhân sự cấp ủy khóa mới được chuẩn bị kỹ lưỡng, cấp ủy viên trúng cử đều đảm bảo tiêu chuẩn, hầu hết các đại hội bầu đủ số lượng cấp ủy viên, đúng đề án nhân sự đã chuẩn bị. Việc thực hiện nhiệm vụ của đoàn chủ tịch đại hội liên quan đến bầu

cử được phân công cụ thể hợp lý. Cấp ủy khóa mới nhận bàn giao và điều hành công việc theo quy định. Việc điều động, bổ sung cấp ủy viên, cho thôi cấp ủy, chỉ định cấp ủy trong Đảng bộ Khối bám sát quy định của Trung ương.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, một số cấp ủy cấp trên cơ sở còn lúng túng khi xác định tiêu chí "vị trí quan trọng của từng đảng bộ", đây là tiêu chí khó xác định nhất trong các tiêu chí phân bổ đại biểu. Đề nghị nội dung này cần được làm rõ hơn về nội hàm "vị trí quan trọng" trong hướng dẫn thực hiện quy định.

- Về thực hiện tự phê bình và phê bình

Thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình được Đảng ủy Khối đặc biệt quan tâm, chỉ đạo các cấp ủy thực hiện thường xuyên, liên tục gắn với sinh hoạt chi bộ, đánh giá và phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm, đặc biệt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII "về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Đảng ủy Khối đã xây dựng Kế hoạch, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết để củng cố, xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay.

Quá trình kiểm điểm tự phê bình, phê bình đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Khối.

(2) Về lập hệ thống tổ chức của Đảng

Mô hình Đảng bộ Khối hiện nay theo 3 cấp, Đảng bộ Khối - đảng bộ cấp trên cơ sở - đảng bộ cơ sở; hệ thống tổ chức đảng được lập tương ứng ở các ban, bộ, ngành, đơn vị sự nghiệp, cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng ở Trung ương. Căn cứ Điều lệ Đảng, quy định thi hành Điều lệ Đảng, hướng dẫn của Trung ương và chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 98-QĐ/TW ngày 22/10/2007 của Bộ Chính trị *(nay là Quyết định số 16-QĐ/TW ngày 18/6/2021 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ của Đảng ủy Khối các cơ quan trung ương)*, Đảng ủy Khối đã xây Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức đảng trong Đảng bộ Khối, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc rà soát, kiện toàn, hoàn thiện các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với đặc điểm, tình hình của đảng bộ và đảm bảo theo quy định

của Trung ương. Đến nay, Đảng bộ Khối có 61 đảng bộ trực thuộc, trong đó có 34 đảng bộ cấp trên cơ sở và 27 đảng bộ cơ sở[7] *(số liệu tính đến ngày 31/12/2022)*.

Do đặc thù của Đảng bộ Khối, các tổ chức đảng trực thuộc có chênh lệch rất lớn về quy mô, đa dạng về loại hình; tình trạng tổ chức cơ sở đảng trong đảng bộ cơ sở, đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc trực tiếp trực thuộc đảng ủy cấp trên cơ sở vẫn còn; địa bàn hoạt động rộng, nhiều tổ chức đảng có trụ sở làm việc tại các tỉnh, thành phố trên cả nước và ở ngoài nước; một số tổ chức đảng được lập chưa gắn với việc lãnh đạo nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ do bộ, ngành quản lý, không trực thuộc đảng bộ, ngành về tổ chức đảng lại thuộc địa phương; một số loại hình tổ chức cơ sở đảng đã có quy định về chức năng, nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể hóa thành cơ chế thực hiện (*các đảng bộ cơ sở trực thuộc trực tiếp Đảng ủy Khối là đảng bộ trong các cơ quan tham mưu của Đảng ở Trung ương, có vị trí đặc biệt quan trọng, tham mưu chiến lược về đường lối, chủ trương của Đảng trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, đối nội - đối ngoại...của đất nước, nhưng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy lại thực hiện tương đương như cấp xã, phường, thị trấn)* nên còn nhiều bất cập, hạn chế.

(3) Về bầu cử trong Đảng và các nội dung liên quan đến bầu cử

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ trong Đảng bộ Khối thực hiện nghiêm túc Quy định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng. Công tác nhân sự được cấp ủy cấp triệu tập đại hội chuẩn bị nghiêm túc, dân chủ, đúng quy trình, hướng dẫn Trung ương, phát huy tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, đảng viên của từng tổ chức đảng. Danh sách bầu ban chấp hành, ban thường vụ có số dư đảm bảo tỷ lệ từ 10-15%, tỷ lệ nữ đạt và vượt 15%. Tại đại hội hầu hết nhân sự do ban chấp hành khóa cũ chuẩn bị, đoàn chủ tịch đề cử trúng cử với số phiếu đồng ý cao, đa số đã lựa chọn bầu đủ ban chấp hành, ban thường vụ và các chức danh. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên đảm bảo đúng nguyên tắc, dân chủ, khách quan, đúng các quy định trong Quy chế bầu cử trong Đảng.

Tuy nhiên việc ứng cử, đề cử tại đại hội rất ít, hầu hết nhất trí với nhân sự cấp ủy khóa trước chuẩn bị được đoàn chủ tịch đại hội đề cử trước đại hội, định hướng nhân sự của cấp ủy cấp trên, cơ bản không có ý kiến thảo luận và tham gia.

(4) Về đại hội

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng,

---

[7]. Tổng số tổ chức đảng trong Đảng bộ Khối gồm có: 1.061 tổ chức cơ sở đảng (553 đảng bộ cơ sở, 508 chi bộ cơ sở), 84 đảng bộ bộ phận (trong đó có 25 đảng bộ bộ phận trực thuộc trực tiếp đảng ủy cấp trên cơ sở) với 5.175 chi bộ trực (trong đó có 439 chi bộ trực thuộc trực tiếp Đảng ủy cấp trên cơ sở).

Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung Chỉ số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đã ban Kế hoạch số 155-KH/ĐUK ngày 10/10/2019 về đại hội đảng bộ các cấp trong Đảng bộ Khối các cơ quan trung ương tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các hướng dẫn thực hiện[8].

- Về số lượng cấp ủy viên, cơ cấu thực hiện theo Chỉ số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương đảm bảo thực hiện giảm khoảng 5% số lượng cấp ủy viên so với số lượng tối đa được cấp có thẩm quyền xác định ở nhiệm kỳ 2015-2020; tỷ lệ cấp ủy viên là nữ từ 15% trở lên, tỷ lệ cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện) từ 10% trở lên...

- Về số lượng, cơ cấu, tiêu chí phân bổ, chỉ định, thẩm tra tư cách, bãi bỏ tư cách đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp; cấp ủy triệu tập đại hội căn cứ vào số lượng cấp ủy viên đương nhiệm; số lượng đảng viên; số lượng tổ chức đảng trực thuộc và vị trí quan trọng của từng đảng bộ, chi bộ trực thuộc để phân bổ đại biểu tham dự đại hội đảm bảo cơ cấu hợp lý, tăng số lượng đại biểu ở các ngành, lĩnh vực quan trọng nhằm nâng cao chất lượng thảo luận, phản biện, đóng góp ý kiến khi quyết định những chủ trương, định hướng lớn của cơ quan, đơn vị. Đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, năng lực trình độ, đạo đức, lối sống; tiêu biểu, đại diện cho trí tuệ của đảng bộ, có khả năng đóng góp vào sự thành công của địa hội cấp trên.

- Về nhiệm vụ của đoàn chủ tịch tại đại hội, thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 5, Quy chế bầu cử trong Đảng: Điều hành việc bầu cử, hướng dẫn để đại hội thảo luận, quán triệt tiêu chuẩn cấp ủy viên, số lượng, cơ cấu cấp ủy; tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên; đề cử danh sách nhân sự do cấp ủy triệu tập đại hội chuẩn bị. Hướng dẫn việc ứng cử, đề cử; tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo đại hội xem xét, quyết định; lấy phiếu xin ý kiến của đại hội đối với những người ứng cử, được đề cử. Lập danh sách bầu cử, lấy biểu quyết của đại hội thông qua số lượng và danh sách bầu cử; giới thiệu danh sách ban kiểm phiếu, trưởng ban kiểm phiếu để đại hội biểu quyết. Chỉ đạo hoạt động của ban kiểm phiếu, phổ biến quy tắc, thủ tục bầu cử trong đại hội; giải đáp những ý kiến của đại biểu về nhân sự trong quá trình chuẩn bị bầu cử. Về cơ bản công tác điều hành của đoàn chủ tịch tại đại hội được chuẩn bị kỹ lưỡng, đoàn chủ tịch đại hội có sự phân công điều hành chi tiết và cụ thể, các thành viên

---

[8]. Hướng dẫn số 14-HD/ĐUK ngày 11/11/2019 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về một số nội dung đại hội đảng bộ các cấp trong Đảng bộ Khối...; Kế hoạch số 161-KH/ĐUK ngày 21/01/2020 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp trong Đảng bộ Khối; Hướng dẫn số 15-HD/ĐUK ngày 31/01/2020 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về rà soát tiêu chuẩn chính trị...nhiệm kỳ 2020-2025.

phụ trách từng phần việc có chuẩn bị kịch bản đã giúp cho việc điều hành nghiêm túc, thông suốt.

(5) Về tổ chức, hoạt động và mối quan hệ công tác của các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy

Đảng ủy Khối chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định của Trung ương về việc lập các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy. Đảng ủy Khối đã lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, bao gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị. Đảng ủy cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng ủy Khối đã thành lập 4 cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc bao gồm: Văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, ủy ban kiểm tra. Được sự đồng ý của Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối đã thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở cho 09 đảng ủy cơ sở, các đảng ủy cũng đã lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc theo quy định. Ban Thường vụ Đảng ủy Khối chỉ đạo các đảng ủy cấp trên cơ sở nghiên cứu áp dụng Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư "*về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy*", để hướng dẫn các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc xây dựng quy chế làm việc của ban, đơn vị trình ban thường vụ đảng ủy xem xét quyết định. Nhìn chung các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ chuyên trách theo vị trí việc làm; xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; chế độ làm việc và mối quan hệ công tác với các cơ quan tham mưu chuyên trách làm công tác đảng cấp trên và phối hợp giữa các ban, đơn vị, đảm bảo thực hiện tốt công tác tham mưu, giúp việc cấp ủy.

Các đảng ủy cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối không thành lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc; đảng uỷ phân công cấp uỷ viên phụ trách các mặt công tác văn phòng, tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra, dân vận; các cán bộ này đa số là kiêm nhiệm. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định, đảng ủy xem xét, quyết định quy chế làm việc của các bộ phận tham mưu, giúp việc cấp ủy.

Tuy nhiên, về tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ chuyên trách và chế độ chính sách của cán bộ chuyên trách làm công tác đảng ở một số cấp ủy gặp khó khăn, (thiếu cán bộ, chế độ chính sách mỗi nơi vận dụng khác nhau), trình độ, năng lực hạn chế vì có sự thay đổi, luân chuyển không ổn định.

3.3.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng

- Đề xuất Ban Bí thư Trung ương Đảng nghiên cứu, ban hành các quy định về mối quan hệ, trách nhiệm giữa giữa tập thể, cá nhân và người đứng đầu để xác định rõ trách nhiệm của cá nhân khi để xảy ra sai phạm.

- Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng nghiên cứu, có quy định riêng về cơ cấu tổ chức của đảng, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở trực thuộc trực tiếp Đảng ủy Khối

- Để đáp ứng cơ cấu về độ tuổi của cấp ủy viên dưới 35 tuổi và tỷ lệ cấp ủy viên là nữ (đạt 15%) trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp hiện nay là rất khó do yêu cầu nhiệm vụ tại các cơ quan quản lý nhà nước đối với đội ngũ cán bộ cần phải có kinh nghiệm trong khi chế độ lương, thưởng trong các cơ quan nhà nước còn khiêm tốn, chưa khuyến khích được đội ngũ cán bộ trẻ, có năng lực tham gia vào các cơ quan nhà nước dẫn đến thực trạng độ tuổi bình quân cấp ủy viên các cấp thường là trên 50 tuổi. Để tăng độ tuổi cấp ủy viên dưới 35 tuổi và tỷ lệ cấp ủy viên là nữ cần thiết có các giải pháp đồng bộ trong công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo cán bộ trẻ trong các cơ quan quản lý nhà nước cũng như có chế độ đãi ngộ phù hợp.

3.4. Về tổ chức cơ sở đảng (Chương V)

3.4.1. Kết quả thi hành các quy định về tổ chức cơ sở đảng

Hiện nay trong Đảng bộ Khối có 1.061 tổ chức cơ sở đảng *(553 đảng bộ cơ sở và 508 chi bộ cơ sở),* trong đó có 27 đảng bộ cơ sở trực thuộc trực tiếp Đảng ủy Khối. Trong thời gian qua, các tổ chức cơ sở đảng cơ bản thực hiện tốt vai trò là hạt nhân chính trị ở cơ sở, phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của đại hội cấp mình đề ra; thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; cấp ủy cơ sở đã tập trung lãnh đạo các chi bộ trực thuộc, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, Quy định thi hành Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kỷ cương, kỷ luật. Căn cứ quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng, Đảng ủy Khối và các đảng ủy cấp trên cơ sở đã chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy tổ chức cơ sở đảng xây dựng và ban hành quy chế làm việc, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy, của bí thư, phó bí thư, ủy viên ban chấp hành, mối quan hệ công tác giữa cấp ủy với thủ trưởng hoặc lãnh đạo cơ quan, đơn vị và với các cơ quan, tổ chức có liên quan; phân công nhiệm vụ cho cấp ủy viên, phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực cụ thể; đồng thời chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của các bộ phận tham mưu, giúp việc cấp ủy, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức cán bộ, xây dựng cơ quan, đơn vị và các đoàn thể vững mạnh.

(1) Về xây dựng, kiện toàn, sắp xếp các loại hình tổ chức cơ sở đảng:

Đảng ủy Khối đã lãnh đạo, chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc rà soát, sắp xếp, kiện toàn, hoàn thiện mô hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với đặc điểm, tình hình của đảng bộ *(đối với các tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước sắp xếp, hoàn thiện theo hướng gắn tổ chức đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng; người đứng đầu cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (Đại sứ) đồng thời là bí thư cấp ủy)*, đảm bảo phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao[9]. Thực hiện việc thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở mà cấp trên trực tiếp không phải là Đảng ủy Khối; ủy quyền kết nạp và khai trừ đảng viên cho các đảng ủy cơ sở có đủ điều kiện theo quy định của Trung ương; hướng dẫn các đảng ủy cơ sở lập đảng bộ bộ phận ở chi bộ trực thuộc có đông đảng viên[10].

(2) Về thực hiện nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng:

Trong thời gian qua các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Khối thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo các quy định của Trung ương; lãnh đạo cán bộ, đảng viên chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên; phối hợp với thủ trưởng cơ quan, đơn vị lãnh đạo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị, xây dựng đảng bộ, chi bộ, cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh. Cấp ủy, chi bộ đã xây dựng quy chế làm việc và tổ chức thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong đảng bộ, chi bộ; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý đảng viên, nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên; thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, quy định về những điều đảng viên không được làm và các quy định về trách niệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

(3) Về đại hội của tổ chức cơ sở đảng:

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị (khóa X) về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đại hội đảng

---

[9]. Số liệu từ 10/2015 đến 31/12/2022: Các đảng bộ trực thuộc đã thực hiện: Lập và nâng cấp 35 đảng bộ cơ sở, 13 chi bộ cơ sở; hợp nhất, sáp nhập: 06 đảng bộ cơ sở, 04 chi bộ cơ sở; giải thể, kết thúc hoạt động: 12 đảng bộ cơ sở, 19 chi bộ cơ sở; hạ cấp 06 đảng bộ cơ sở.

[10]. Được sự đồng ý của Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối đã quyết định thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở cho 09 đảng ủy cơ sở; ủy quyền kết nạp và khai trừ đảng viên cho 56 đảng ủy cơ sở (trong đó Đảng ủy Khối quyết định ủy quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên cho 16 đảng ủy cơ sở trực thuộc trực tiếp Đảng ủy Khối, các đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối quyết định ủy quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên cho 16 đảng ủy cơ sở)

bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung trong Chỉ thị, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các nhiệm kỳ X, XI, XII đã ban kịp thời Kế hoạch về đại hội đảng bộ các cấp trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; căn cứ Chỉ thị, Hướng dẫn của Trung ương và Kế hoạch của Đảng ủy Khối, 100% các đảng ủy trực thuộc xây dựng kế hoạch tổ chức đại hội đảng bộ các cấp trong đảng bộ mình và đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội của các đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ bản thực hiện đúng quy định; các văn kiện, báo cáo tại đại hội được chuẩn bị kỹ và đầy đủ; công tác nhân sự cấp ủy được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình; thực hiện nghiêm túc Quy chế bầu cử trong Đảng, cấp ủy được bầu tại đại hội đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu và độ tuổi; việc bầu đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên được lựa chọn kỹ và có chất lượng cao.

(4) Về sinh hoạt của tổ chức cơ sở đảng:

Đảng ủy Khối luôn quan tâm, chú trọng đến việc nâng cao chất sinh hoạt chi bộ và nâng cao chất lượng chi bộ, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm xuyên suốt nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Khối; đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK ngày 10/01/2012 (khóa XI) về "Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ" và Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK ngày 19/8/2016 (khóa XII) của Đảng bộ Khối về "nâng cao chất lượng chi bộ trong Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương" và được các đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Khối triển khai thực hiện nghiêm túc; đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nhận thức đầy đủ và sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong công tác xây dựng Đảng. Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW về "nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ" trong tình hình mới; Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương "Một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ", Đảng ủy Khối đã ban hành Hướng dẫn số 10-HD/ĐUK ngày 28/11/2018 về "Đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương". Hai nghị quyết và Hướng dẫn trên được thực hiện thường xuyên ở các đảng bộ, chi bộ trong toàn Đảng bộ Khối; qua kết quả kiểm tra, giám sát ở các đảng bộ trực thuộc cho thấy: việc thực hiện chế độ sinh hoạt chi bộ đã đi vào nền nếp, bảo đảm nguyên tắc theo quy định của Điều lệ Đảng.

3.4.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định tổ chức cơ sở đảng

(1) Hạn chế:

- Tuy đã có quy chế làm việc của cấp ủy, nhưng thực tiễn thực hiện công tác phối hợp giữa thủ trưởng cơ quan đơn vị với cấp ủy chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ cũng như cách thức thực hiện ở một số cấp ủy, đơn vị; việc báo cáo kết quả công tác lãnh đạo thực nghị quyết, thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng với thủ trưởng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị theo định kỳ chưa duy trì thường xuyên, hiệu lực, hiệu quả chưa cao.

- Việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, quy định tới các chi bộ trực thuộc và cán bộ, đảng viên còn chưa thường xuyên; việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và ủy ban kiểm tra đối với chi bộ chưa quy định rõ về trình tự quy trình kiểm tra, giám sát, nội dung kiểm tra, giám sát chưa cụ thể rõ ràng.

- Cán bộ chuyên trách làm công tác đảng không ổn định, thường xuyên thay đổi, chất lượng cán bộ kiêm nhiệm công tác đảng ở một số đảng bộ chưa đồng đều; nghiệp vụ tham mưu công tác đảng chưa sâu; lúng túng trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo chưa đảm bảo theo quy định; tỷ lệ phát triển đảng viên trong các cơ quan, đơn vị có dấu hiệu chững lại.

- Công tác quản lý hồ sơ, bổ sung hồ sơ đảng viên hàng năm, công tác đảng vụ ở một số tổ chức đảng, chi bộ chưa nề nếp, khoa học; việc rà soát, cập nhật hồ sơ đảng viên chưa kịp thời; quản lý đảng viên hoặc chuyển sinh hoạt đảng có nơi còn chưa dứt điểm, xảy ra sai sót không đáng có.

(2) Khó khăn, vướng mắc:

- Các quy định, hướng dẫn của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng có nhiều nội dung tương tự như nhau[11], chưa có sự phân biệt rõ ràng, cụ thể đối với các loại hình tổ chức cơ sở đảng có tính chất, đặc điểm riêng, khi thực hiện có nhiều khó khăn, bất cập.

- Việc sinh hoạt định kỳ 1 năm 2 lần của đảng bộ cơ sở theo quy định tại khoản 6, Điều 22 Điều lệ Đảng gặp nhiều khó khăn; nhất là đối với các đảng bộ cơ sở có phạm vi hoạt động rộng, đông đảng viên, đảng viên hoạt động phân tán.

3.4.3. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Trung ương quy định về chức năng, nhiệm vụ của loại hình tổ chức cơ sở đảng có tính đặc thù hoặc có đặc điểm riêng (hiện nay, trực thuộc trực

---

[11] . Quy định số 96 ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước; Quy định số 97 ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp; Quy định số 98 ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan; Quy định số 165 ngày 21/4/2006 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan Báo chí; Quy định số 171 ngày 27/6/2008 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan hội quần chúng...

tiếp Đảng ủy Khối có các đảng bộ cơ sở trong cơ quan các ban tham mưu cho Ban Chấp hành, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xây dựng Đảng, các đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương, nhưng chưa có quy định riêng về chức năng, nhiệm vụ mà vẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ như cấp cơ sở ở địa phương (tương đương cấp xã, phường, thị trấn...); ban hành khung quy chế mẫu về quy chế làm việc của tổ chức có sở đảng.

- Đề nghị Trung ương quy định và có hướng dẫn về hình thức sinh hoạt đảng thường kỳ đối với đảng bộ, chi bộ cơ sở có tính đặc thù hoặc có đặc điểm riêng (đảng bộ cơ sở có nhiều tổ chức đảng trực thuộc, phạm vi hoạt động rộng ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau, có số lượng đảng viên đông; chi bộ cơ sở có đông đảng viên (dưới 50 đảng viên hoặc chưa đủ số lượng đảng viên để lập các tổ đảng) đảng viên hoạt động phân tán, thường xuyên đi công tác xa...)

3.5. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp (Chương VII)

3.5.1. Kết quả thi hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp

(1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

1.1. Đảng ủy Khối

- Đảng ủy Khối luôn chú trọng đến công tác quán triệt, phổ biến các văn bản của Trung ương, của Đảng ủy Khối và tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát; qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là các đồng chí đứng đầu cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Kết luận số 34/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khối nhiệm kỳ 2015-2020, nhiệm kỳ 2020-2025 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong nhiệm kỳ khóa XI, XII, XIII. Công tác sơ, tổng kết các quyết định, quy định, chỉ thị, nghị quyết, báo cáo chuyên đề về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo sự chỉ đạo của Trung ương được Ban Thường vụ Đảng ủy Khối nghiêm túc thực hiện và báo cáo kết quả về Trung ương[12].

---

[12]Báo cáo kết quả thực hiện Quy định số 55-QĐ/TW ngày 10/01/2012 của Ban Bí thư (khóa X) về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên; tham gia góp ý vào nội dung báo cáo và dự thảo kết luận của Bộ Chính trị về sơ kết 6 năm thực hiện Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị khóa X về "Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020"; Quy chế giám sát trong Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 68-QĐ/TW ngày 21/3/2012 của Bộ Chính trị; Quy định số 181- QĐ/TW ngày 30/3/2013 của Bộ

Việc xây dựng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát được Đảng ủy Khối chủ động, ngay từ đầu các nhiệm kỳ và hằng năm. Trong giai đoạn 2011 - 2022, Đảng ủy Khối đã xây dựng, ban hành ***110*** văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tập trung ban hành Quy chế làm việc của Đảng ủy Khối nhiệm kỳ 2010- 2015, 2015-2020, 2020-2025, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối nhiệm kỳ 2010-2015, 2015-2020, 2020-2025, chương trình công tác nhiệm kỳ và hằng năm, chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ và hằng năm, phân công 01 đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy Khối phụ trách công tác kiểm tra, giám sát; chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối rà soát, xây dựng các quy trình kiểm tra, giám sát; tham mưu xây dựng, sửa đổi, ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối, quy trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối, quy định hoạt động của đoàn kiểm tra, giám sát; chỉ đạo đảng ủy trực thuộc xây dựng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; rà soát, sửa đổi các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát theo hướng dẫn mới của Trung ương. Ban Thường vụ Đảng ủy Khối ban hành quy trình công tác kiểm tra, giám sát, xem xét thi hành kỷ luật Đảng của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối, các quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Chi bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương đồng thời chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối ban hành quy trình kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật Đảng của Ủy ban Kiểm tra. Chỉ đạo, tổ chức triển khai các văn bản, hướng dẫn của cấp trên và công tác kiểm tra, giám sát theo quy định Điều lệ Đảng. Trên cơ sở đó, hằng năm, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tạo nền nếp và từng bước nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng trong Đảng bộ Khối.

Từ năm 2011 đến nay, Đảng ủy Khối đã ban hành và tổ chức thực hiện 02 nghị quyết về công tác kiểm tra, giám sát: Nghị quyết số 03-NQ/ĐUK, ngày 18/3/2013 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương và Nghị quyết số 15-NQ/ĐUK, ngày 16/01/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối về "*Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương*", đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu, tổng kết thực

---

Chính trị (khóa XI) về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Báo cáo kết quả thực hiện Quy định số 263- QĐ/TW ngày 08/10/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm; Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ (ban hành kèm theo Quyết định số 58-QĐ/TW ngày 07/5/2007 của Bộ Chính trị); Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về "tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng"; Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Báo cáo kết quả kết quả thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Báo cáo kết quả thực hiện Hướng dẫn số 11-HD/UBKTTW ngày 27/10/2014 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về hướng dẫn công tác nhân sự ủy ban kiểm tra tại Đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng...

tiễn, rút bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ Khối.

- Ban hành chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII ngày 30/10/2016 về "*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*" gắn với việc triển khai, tổ chức thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, Quy định số 55-QĐ/TW và Quy định số 08-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Trung ương trong việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát. Bước đầu thực hiện quy định về sự lãnh đạo, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đem lại hiệu quả thiết thực.

Đảng ủy Khối quan tâm thực hiện quy chế phối hợp với ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; tổ chức ký kết Quy chế phối hợp giữa Ban Thường vụ Đảng ủy Khối và Ban cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Lãnh đạo Ban Nội chính Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 136-QĐ/TW, ngày 02/10/2012 về ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu Ban Bí thư ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng[13].

1.2. Cấp ủy các cấp

Các cấp uỷ trực thuộc đã chú trọng, tăng cường phối hợp với ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, học tập các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, của Đảng ủy Khối. Kịp thời xây dựng, ban hành quy chế làm việc của cấp ủy và của ủy ban kiểm tra cùng cấp làm cơ sở trong lãnh đạo, chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cho cấp ủy viên phụ trách công tác kiểm tra, giám sát; ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đối với cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp dưới, các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy tiến hành rà soát, bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các quy định, quy chế, quy trình, quyết định nhằm triển khai có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo Quy định số 22-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

---

[13] Quyết định số 108-QĐ/TW, ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư

các quy định, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Đảng ủy Khối. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ, hằng năm sát với tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của các cơ quan, đơn vị; lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các cuộc kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới theo Điều 30 Điều lệ Đảng; giải quyết tố cáo trong Đảng, thi hành kỷ luật đảng và các cuộc kiểm tra, giám sát theo chương trình kế hoạch đã đề ra. Hằng năm, cấp uỷ các cấp, trước hết là bí thư cấp uỷ đã trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của đảng bộ, quan tâm kiện toàn ủy ban kiểm tra, tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác đảng, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát cho cấp ủy viên, chi ủy viên, cán bộ làm công tác đảng, công tác kiểm tra, giám sát chuyên trách trong đảng bộ. Định kỳ đã trực tiếp tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm, đề ra phương hướng nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

1.3. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối và ủy ban kiểm tra các cấp

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối tích cực tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy Khối trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiêm vụ kiểm tra, giám sát, xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ và hằng năm của Ủy ban Kiểm tra Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối đã phân công các phòng, cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra theo dõi địa bàn để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng của các đảng ủy trực thuộc, thực hiện nghiêm túc Quy định số 195-QĐ/TW, ngày 18/6/2019 về chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Chủ động tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng hằng năm; sơ, tổng kết các chuyên đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo chỉ đạo của Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương đúng quy định; quán triệt, triển khai Chỉ thị của Bộ Chính trị, Hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát phục vụ Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020, nhiệm kỳ 2020-2025. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối phối hợp với Ban Tổ chức Đảng ủy Khối thẩm định tình hình đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật Đảng đối với cán bộ diện Trung ương quản lý, cán bộ quy hoạch, bổ sung quy hoạch, khen thưởng, tặng huy hiệu Đảng, kỷ niệm chương.

Ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc đã tham mưu giúp cấp uỷ xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ, hằng năm, hầu hết đảng ủy, ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc Đảng bộ Khối đã xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát ngay từ đầu nhiệm kỳ, đầu năm. Phối hợp với các cơ quan liên

quan tham mưu, giúp cấp ủy tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương theo sự chỉ đạo của Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối; tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch đề ra; kiện toàn ủy ban kiểm tra, cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra, giám sát; giúp cấp ủy xây dựng chương trình kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết, theo dõi kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới trong việc thực hiện nghị quyết; báo cáo kết quả thực hiện với cấp ủy cấp mình và ủy ban kiểm tra cấp trên.

(2) Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng

2.1. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát theo chương trình hằng năm

2.1.1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp

Từ năm 2011 đến nay, Đảng ủy Khối và các cấp ủy trực thuộc đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều 30 Điều lệ Đảng. Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đã kiểm tra ***34*** đảng ủy trực thuộc; giám sát chuyên đề đối với ***33*** đảng ủy trực thuộc.

Cấp ủy các cấp trong Đảng bộ Khối đã chủ động tiến hành kiểm tra đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Cụ thể: các đảng ủy cấp trên cơ sở kiểm tra đối với ***3.123*** tổ chức đảng trực thuộc và ***7.824*** đảng viên; đảng ủy cơ sở trong Đảng bộ Khối kiểm tra được ***7073*** chi bộ, đảng ủy trực thuộc và ***10.552*** đảng viên; các đảng ủy bộ phận kiểm tra được ***660*** chi bộ và ***2363*** đảng viên. Qua kiểm tra đã kết luận ***21*** tổ chức đảng và ***912*** đảng viên có khuyết điểm, vi phạm và đã thi hành kỷ luật ***14*** tổ chức đảng và ***697*** đảng viên.

Các đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối đã tiến hành giám sát chuyên đề đối với ***1.786*** tổ chức đảng trực thuộc, ***8781*** đảng viên; đảng ủy cơ sở trong Đảng bộ Khối đã tiến hành giám sát chuyên đề ***5.418*** chi bộ, đảng ủy trực thuộc và ***16.760*** đảng viên; các đảng ủy bộ phận trong Khối đã tiến hành giám sát chuyên đề được ***656*** chi bộ và ***2.459*** đảng viên. Qua giám sát đã chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với *03* tổ chức đảng, ***84*** đảng viên.

Công tác kiểm tra, giám sát của chi bộ trong Đảng bộ Khối đã có chuyển biến tích cực và đạt được kết quả rõ nét trên các mặt: nhận thức của chi ủy và đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát được nâng lên; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của chi ủy; số đảng viên được chi bộ kiểm tra, giám sát chuyên đề; quy trình kiểm tra, giám sát chuyên đề. Trong 10 năm, các chi bộ trong Đảng bộ Khối đã kiểm tra ***41.785*** đảng viên; giám sát chuyên đề ***27.078*** đảng viên.

Nội dung các cuộc kiểm tra, giám sát hằng năm của các cấp ủy trực thuộc tập trung kiểm tra, giám sát việc quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, quy định của Trung ương; việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối; kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên về công tác tổ chức cán bộ; thực hành tiết kiệm, phòng, chống

tham nhũng, lãng phí; việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên; việc chấp hành chế độ sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ và đảng viên, nhất là đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý; việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã kết luận sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII; việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tiêu chuẩn đảng viên, cấp uỷ viên; thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm...

2.1.2. Ủy ban kiểm tra các cấp

- Ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 260 đảng viên *(UBKT Đảng ủy Khối kiểm tra 8, UBKT đảng ủy cấp trên cơ sở kiểm tra 113, UBKT đảng ủy cơ sở kiểm tra 139*), trong đó có 26 cấp ủy viên; kiểm tra 20 tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm *(UBKT Đảng ủy Khối kiểm tra 4, UBKT đảng ủy cấp trên cơ sở kiểm tra 8, UBKT đảng ủy cơ sở kiểm tra 8*). Qua kiểm tra kết luận 14 tổ chức đảng và 119 đảng viên có vi phạm; quyết định thi hành kỷ luật 8 tổ chức đảng và 86 đảng viên.

- Kiểm tra 6.957 tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát *(UBKT Đảng ủy Khối kiểm tra 29, UBKT đảng ủy cấp trên cơ sở kiểm tra 1.719, UBKT đảng ủy cơ sở kiểm tra 5.209*); kiểm tra 4.620 tổ chức đảng cấp dưới về thi hành kỷ luật đảng *(UBKT Đảng ủy Khối kiểm tra 29, UBKT đảng ủy cấp trên cơ sở kiểm tra 2.612, UBKT đảng ủy cơ sở kiểm tra 1.979*). Qua kiểm tra, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã quan tâm hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát. Chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ Khối có chuyển biến tích cực, đã khắc phục được những thiếu sót, khuyết điểm trong thực hiện nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình, thủ tục kiểm tra, giám sát, xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.

- Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra về việc thực hiện các quy định của Đảng chế độ đảng phí, tài chính đảng đối với 6.406 tổ chức đảng trực thuộc *(trong đó Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối kiểm tra 29; ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở kiểm tra 1.419 tổ chức đảng; ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở và giao quyền cấp trên cơ sở, kiểm tra 4.974 tổ chức đảng*).

- Việc giám sát thường xuyên đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được ủy ban kiểm tra các cấp chủ động thực hiện, thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất, các hội nghị, nghe tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo, qua sinh hoạt kiểm điểm, tự phê bình và phê bình; qua việc phân công cấp ủy viên, thành viên ủy ban kiểm tra phụ trách và cán bộ kiểm tra thường xuyên theo dõi lĩnh vực, địa bàn, dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

- Ủy ban kiểm tra các cấp đã giám sát chuyên đề đối với; 6.299 tổ chức đảng *(UBKT Đảng ủy Khối giám sát 37, UBKT đảng ủy cấp trên cơ sở giám sát 1.596, UBKT đảng ủy cơ sở giám sát 4.666)*; giám sát 32.721 đảng viên *(UBKT đảng ủy cấp trên cơ sở giám sát 11.301 UBKT đảng ủy cơ sở giám sát 21.420)*. Nội dung giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp tập trung giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; thực hiện những điều đảng viên không được làm. Qua giám sát, ủy ban kiểm tra các cấp phát hiện 854 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 854 đảng viên. Đồng thời, giúp các tổ chức đảng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, sớm phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm từ khi mới manh nha, kịp thời chấn chỉnh, cảnh báo, nhắc nhở những thiếu sót, khuyết điểm của tổ chức đảng, đảng viên.

2.2. Việc giải quyết tố cáo, khiếu nại và thi hành kỷ luật đảng

- Ủy ban kiểm tra các cấp đã xem xét, giải quyết tố cáo 20 tổ chức đảng. Qua giải quyết tố cáo kết luận: tố đúng và đúng một phần có 06 trường hợp; chưa có cơ sở kết luận 04 trường hợp; đúng có vi phạm 02, phải thi hành kỷ luật 0. Giải quyết tố cáo 1.582 đảng viên, trong đó có 112 đảng viên bị tố cáo là cấp ủy viên các cấp. Qua giải quyết tố cáo, kết luận: chưa có cơ sở 384 trường hợp, tố cáo sai 754 trường hợp, tố đúng và đúng một phần 440 trường hợp. Trong đó, đúng có vi phạm 15 trường hợp, phải thi hành kỷ luật 15 đảng viên. Công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư, giải quyết tố cáo của ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ Khối, được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Những vụ việc tố cáo nhiều nội dung, tính chất phức tạp, cấp ủy đã chỉ đạo ủy ban kiểm tra phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời, đảm bảo quy trình, quy định. Kết quả giải quyết tố cáo đã góp phần giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, củng cố, tăng cường đoàn kết nội bộ, tạo niềm tin đối với cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, đơn vị.

- Việc thi hành kỷ luật đảng được thực hiện cơ bản đảm bảo đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền và được thực hiện quyết liệt, không có ngoại lệ, không có vùng cấm. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có thẩm quyền đã thi hành kỷ luật 1.174 đảng viên (*UBKT từ cấp trên cơ sở trở lên thi hành kỷ luật 144*), trong đó: khiển trách 951, cảnh cáo 121 cách chức 26, khai trừ 76 đảng viên. Ngoài thi hành kỷ luật, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã đình chỉ sinh hoạt đảng đối với 53 đảng viên.

- Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên: ủy ban kiểm tra các cấp đã giải quyết khiếu nại 30 trường hợp, kết quả giải quyết giữ nguyên hình thức kỷ luật 23 trường hợp; giảm hình thức 06, xóa hình thức 01.

2.3. Công tác xây dựng ngành Kiểm tra Đảng

Ban Chấp hành Đảng bộ Khối, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối ban hành các quy định về công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối. Kịp thời bổ sung, kiện toàn ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối và chức danh Chủ nhiệm (đã giới thiệu Ban Chấp hành Đảng bộ Khối bổ sung đồng chí Chủ nhiệm và bầu bổ sung 01 đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối chuyên trách, 02 ủy viên kiêm chức). Đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu nhân sự các phòng nghiệp vụ, luân chuyển cán bộ trong Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối phù hợp với cơ cấu tổ chức của Cơ quan. Từ năm 2013 đến nay, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối tiếp nhận 12 cán bộ, công chức (01 đồng chí về giữ chức vụ Chủ nhiệm, 05 đồng chí giữ chức ủy viên; 01 cán bộ giữ chức phó trưởng phòng); có 09 đồng chí luân chuyển công tác (02 đồng chí giữ chức chủ nhiệm; 03 đồng chí phó chủ nhiệm; 04 đồng chí ủy viên); 06 cán bộ công chức nghỉ hưu (02 đồng chí chủ nhiệm, 01 đồng chí phó chủ nhiệm, 02 đồng chí phó trưởng phòng, 01 kiểm tra viên chính). Đã có 18 cán bộ được luân chuyển đến 08 ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở và 18 ủy viên ủy ban kiểm tra của 07 đảng bộ được luân chuyển sang công tác tại các cơ quan, đơn vị.

Ban Thường vụ Đảng ủy Khối quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc củng cố, kiện toàn tổ chức văn phòng đảng - đoàn thể, bộ máy uỷ ban kiểm tra, bố trí cán bộ chuyên trách công tác kiểm tra theo quy định của Đảng. Đã có 13 đảng bộ cấp trên cơ sở lập văn phòng đảng đoàn thể. Từ năm 2013 đến nay đã kiện toàn, bổ sung ***682*** ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc. Hầu hết đảng bộ cấp trên cơ sở đều đã bố trí được phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra chuyên trách.

Ban Thường vụ Đảng ủy Khối thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Đảng ủy Khối đổi mới phương pháp, nội dung tập huấn để nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát cho đội ngũ ủy viên ủy ban kiểm tra, cấp ủy viên phụ trách công tác kiểm tra các đảng bộ, chi bộ. Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối xây dựng bài giảng "Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở đảng bộ cơ sở, chi bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương"; giao Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối nghiên cứu chuyên đề *"Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát ở chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương"*. Từ năm 2013 đến nay, Đảng ủy Khối đã tổ chức 05 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra cho trên ***10.000*** lượt ủy viên ủy ban kiểm tra, cấp ủy viên phụ trách công tác kiểm tra của các đảng bộ trực thuộc; Trung tâm bồi dưỡng chính trị Đảng uỷ Khối đã tổ chức 08 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng trong đó có công tác kiểm tra cho ***1.024*** cấp ủy viên chi bộ và đảng bộ cơ sở, các đảng bộ. Tham gia giảng bài tập

huấn nghiệp vụ công tác kiểm tra giám sát cho các tổ chức đảng trực thuộc; triển khai kịp thời các văn bản mới của Trung ương, của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng tới các đảng ủy, ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc. Ngoài hình thức bồi dưỡng nghiệp vụ qua việc mở các lớp, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đã chỉ đạo các đoàn kiểm tra, giám sát chuyên đề của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối theo chương trình kiểm tra hằng năm thông qua các buổi làm việc với các tổ chức đảng để hướng dẫn, bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác kiểm tra.

Công tác tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng đã được quan tâm, có những chuyển biến tích cực, đổi mới, kịp thời thông tin tuyên truyền hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp và hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát thường xuyên được cập nhật và đăng trên Trang tin điện tử, hàng tháng đăng trên bản tin nội bộ của Đảng ủy Khối; tập trung tuyên truyền kết quả của công tác kiểm tra, giám sát qua 15 năm tái thành lập Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương (11/4/2007 - 11/4/2022).

Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm, kịp thời động viên, phát hiện nhân tố điển hình trong công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ Khối. Trong giai đoạn 2013-2022, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối thẩm định, xem xét, đánh giá chất lượng, tổ chức đảng và đảng viên đối với ***520*** tổ chức đảng, ***2.154*** đảng viên; thẩm định khen thưởng đối với ***145*** tập thể, ***456*** cá nhân; thẩm định, tham mưu với Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương tặng Kỷ niệm chương vì Sự nghiệp kiểm tra cho ***534*** trường hợp.

3.5.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp.

(1) Hạn chế, khuyết điểm

- Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt thực hiện các quy định, quyết định, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát ở một số cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, tổ chức đảng trong Đảng bộ Khối còn chậm.

- Công tác kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm có chuyển biến, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác nắm tình hình, thu thập thông tin còn yếu, các dấu hiệu vi phạm thường chỉ được phát hiện qua phản ánh và đơn, thư tố cáo. Một số uỷ ban kiểm tra trong cả nhiệm kỳ chưa thực hiện cuộc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Kiểm tra đối với cấp uỷ viên cùng cấp còn ít; chưa tập trung kiểm tra những đối tượng là cán bộ diện cấp ủy quản lý, những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm.

- Các cấp ủy trực thuộc đã tích cực kiểm tra, giám sát chuyên đề, nhưng việc thực hiện còn lúng túng về nghiệp vụ, chưa đúng quy trình và phương pháp kiểm tra của Đảng, việc xác định nội dung kiểm tra, xây dựng kế hoạch kiểm tra nhất là cấp chi bộ còn chậm, chất lượng chưa cao, chưa bám sát nhiệm vụ chính trị trọng

tâm, chưa đề cập toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; một số cấp ủy thực hiện chưa nghiêm kết luận, quyết định sau khi kiểm tra, vì vậy việc khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chất lượng còn thấp.

- Công tác kiểm tra, giám sát tại chi bộ tuy đã có nhiều chuyển biến nhưng chưa vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Việc triển khai kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn. Các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy hầu hết chỉ thực hiện được giám sát thường xuyên.

- Một số đảng uỷ, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc chưa thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát.

(2) Khó khăn, vướng mắc:

Việc bố trí cán bộ chuyên trách công tác kiểm tra tại các đảng uỷ trực thuộc Khối chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khoá X về "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng" và Quy định số 215-QĐ/TW ngày 02/12/2013 của Ban Bí thư về "Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, quan hệ công tác của đảng ủy cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng". Công tác quy hoạch, điều động, luân chuyển cán bộ kiểm tra còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế; việc theo dõi, nắm tình hình của cán bộ kiểm tra cấp trên cơ sở chưa thường xuyên, sâu sát, kịp thời do các đảng bộ cấp trên cơ sở chưa lập được cơ quan ủy ban kiểm tra.

- Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng trong các cơ quan bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương không trực tiếp lãnh đạo nhiệm vụ chuyên môn, công tác cán bộ nên dẫn đến vai trò của cấp uỷ trong Đảng bộ Khối chưa được coi trọng. Nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng, trong đó có nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát chưa được đặt đúng tầm.

- Đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp chủ yếu làm công tác kiêm nhiệm, nghiệp vụ chuyên môn còn hạn chế. Cơ chế, chính sách đối với cán bộ làm công tác kiểm tra, nhất là cán bộ kiểm tra chuyên trách thuộc các đảng ủy trực thuộc chưa được quan tâm.

- Quy định, hướng dẫn của Trung ương liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong Đảng bộ Khối chưa đầy đủ như: quy định về công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra, quy định về kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên ở nước ngoài.

3.5.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp

- Đề nghị Trung ương tiếp tục nghiên cứu và ban hành các văn bản cụ thể hóa về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng theo hướng cụ thể để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hiện nay.

- Đề nghị Trung ương nghiên cứu, có quy định, hướng dẫn về quy trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy để đảm bảo thực hiện thống nhất (trong đó có quy trình kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng ở ngoài nước).

- Việc bố trí cán bộ kiểm tra, phân công cán bộ giám sát phải được thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao trình độ chuyên môn, không ngại va chạm, thẳng thắn, trung thực, khách quan, công tâm, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, phải xây dựng cơ chế bảo vệ cho những cán bộ này, nếu không có cơ chế đảm bảo chắc chắn hiệu lực, hiệu quả đem lại sẽ không như mong muốn.

3.6. Về khen thưởng, kỷ luật (Chương VIII)

3.6.1. Kết quả thi hành các quy định về khen thưởng, kỷ luật

Đảng ủy Khối và các đảng ủy trực thuộc đã chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc công tác khen thưởng, kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng. Các cấp ủy đã bám sát và cụ thể hóa quy định thi hành Điều lệ Đảng và các hướng dẫn về công tác khen thưởng và kỷ luật trong Đảng; xây dựng các văn bản hướng dẫn về công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên trong từng đảng bộ; xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ và hằng năm của cấp ủy; quy chế làm việc của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo; xây dựng kế hoạch, đề ra các tiêu chuẩn, tiêu chí về thi đua, khen thưởng...làm căn cứ để thực hiện tốt công tác khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên. Kết quả sau hơn 10 năm thực hiện Điều lệ Đảng, Quy định thi hành Điều lệ Đảng và Hướng dẫn thị hành Điều lệ Đảng, toàn Đảng bộ Khối đã có kết quả khen thưởng và kỷ luật như sau:

(1) Về khen thưởng

- Đối với tổ chức Đảng: Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xét tặng cờ và bằng khen cho ***389*** tổ chức cơ sở đảng (trong đó tặng cờ cho ***58*** tổ chức cơ sở đảng, tặng bằng khen cho ***331*** tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu 5 năm liền.

- Đối với đảng viên: Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xét tặng bằng khen cho ***2.136*** đảng viên đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" 5 năm liền.

(2) Về kỷ luật

- Tổ chức đảng bị kỷ luật: Cấp ủy có thẩm quyền thi hành kỷ luật ***25*** tổ chức đảng (bằng hình thức khiển trách ***21***, cảnh cáo ***04***); ủy ban kiểm tra các cấp thi hành kỷ luật ***09*** tổ chức đảng (Ủy ban Kiểm tra Trung ương thi hành ***05***, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối ***01***, ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở ***03***).

- Đảng viên bị xử lý kỷ luật:***1.174*** đảng viên (ủy ban kiểm tra từ cấp trên cơ sở trở lên thi hành kỷ luật ***144***), trong đó: khiển trách ***951***, cảnh cáo ***121*** cách chức

26, khai trừ *76* đảng viên. Ngoài thi hành kỷ luật, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã đình chỉ sinh hoạt đảng đối với *53* đảng viên.

3.6.2. Hạn chế

- Do đặc điểm về mô hình, ở Đảng bộ Khối có chi bộ trực thuộc trực tiếp đảng bộ cấp trên cơ sở và đảng bộ cơ sở trực thuộc trực tiếp Đảng ủy Khối nên việc khen thưởng đối với chi bộ trực thuộc đảng bộ cấp trên cơ sở và đảng bộ cơ sở trực thuộc trực tiếp Đảng ủy Khối chưa được thực hiện vì các văn bản hướng dẫn về khen thưởng không hướng dẫn cụ thể về khen thưởng đối với 02 tổ chức đảng trực thuộc đặc thù này ở Đảng bộ Khối.

- Việc thi hành đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc thi hành kỷ luật đối với đảng viên vi phạm pháp luật bị cơ quan an ninh bắt, tạm giam còn chậm chễ vì thiếu các căn cứ khi cơ quan tố tụng chưa có văn bản phối hợp hoặc chưa có kết luận, bản án cuối cùng.

3.6.3. Kiến nghị, đề xuất

- Đề xuất xem xét bổ sung quy định về hình thức khen thưởng hằng năm đối với chi bộ trực thuộc đảng bộ cấp trên cơ sở ở Đảng bộ Khối và đảng bộ cơ sở trực thuộc trực tiếp Đảng ủy Khối, đạt mức xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" trong năm (do đặc thù về mô hình tổ chức, hiện nay ở Đảng bộ Khối tồn tại mô hình chi bộ trực thuộc trực tiếp đảng bộ cấp trên cơ sở và đảng bộ cơ sở trực thuộc trực tiếp Đảng ủy Khối).

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Quy định 132 cho phù hợp với tình hình thực tiễn công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và đảng viên, để từ đó có căn cứ khách quan trong đề xuất, đề nghị khen thưởng cũng như kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên hằng năm.

- Đề nghị Trung ương có hướng dẫn về quy trình, thủ tục, biểu mẫu cụ thể khi xử lý đảng viên bị khởi tố, bắt tạm giam.

3.7. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Chương IX)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Đảng ủy Khối và các cấp ủy trực thuộc, các tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương đã sử dụng đồng bộ, tối đa các phương thức lãnh đạo của Đảng, chú trọng phương thức lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch công tác, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng, đảng viên và sự nêu gương của lãnh đạo và cấp ủy viên, lãnh đạo Đảng bộ bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng công tác kiểm tra, giám sát, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành văn bản pháp luật của Nhà nước, văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành các văn bản

cụ thể đã đạt được nhiều kết quả thiết thực, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị.

Các cấp ủy trong Đảng bộ Khối đã thực hiện tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo hoặc phối hợp trong công tác cán bộ. Ở các cấp ủy lãnh đạo toàn diện (đơn vị sự nghiệp của Trung ương), Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác cán bộ. Thường xuyên thực hiện tốt việc giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tuy nhiên, trong Đảng bộ Khối hiện nay, đa số cấp ủy không lãnh đạo toàn diện. Việc giới thiệu cán bộ để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đều do ban cán sự đảng, đảng đoàn và lãnh đạo cơ quan, đơn vị phối hợp chủ trì thực hiện; tùy theo đề nghị của ban cán sự đảng, đảng đoàn mà các đảng ủy trực thuộc Đảng bộ Khối tham gia vào các quá trình cụ thể.

Nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu được thực hiện nghiêm túc. Việc quy định các tổ chức đảng giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm, ứng cử vào chức danh lãnh đạo của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội đã tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

3.8. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Chương X)

3.8.1. Kết quả thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Từ năm 2011 đến nay, công tác đoàn và phong trào thanh niên Khối các cơ quan Trung ương luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện, chỉ đạo thống nhất từ Ban Thường vụ Đảng ủy Khối tới các cấp ủy đảng trực thuộc Đảng ủy Khối. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết, chương trình hành động của Đảng ủy Khối, của Trung ương Đoàn liên quan đến công tác đoàn và phong trào thanh niên đều được các cấp ủy đảng trực thuộc triển khai nghiêm túc, có sự vận dụng linh hoạt sáng tạo phù hợp với đặc thù của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương[14]. Ngoài ra, định kỳ hằng năm, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối có văn bản chỉ

---

[14] Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW, ngày 28/7/2009 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"; Nghị quyết 01-NQ/ĐUK, ngày 28/7/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối về "Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác thanh niên Khối các cơ quan Trung ương", Ban Chấp hành Đảng bộ Khối đã ban hành Kết luận số 154-KL/ĐUK, ngày 05/11/2014 về tiếp tục thực hiện Nghị số 01-NQ/ĐUK; Chương trình hành động số 26-CTr/ĐUK về việc thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030"; Chỉ thị số 05-CT/ĐUK, ngày 04/10/2016 về "Lãnh đạo đại hội đoàn các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối các cơ quan Trung ương lần thứ III và Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI"...

đạo các đảng ủy trực thuộc quan tâm, chỉ đạo công tác thanh niên nói chung, công tác đoàn và phong trào thanh niên nói riêng tại cơ sở đảm bảo thiết thực hiệu quả.

Các cấp ủy trực thuộc đã phối hợp với ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của cấp ủy cấp trên về công tác thanh niên đến mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đoàn viên, thanh niên trong các cơ quan, đơn vị; đồng thời ban hành kế hoạch, chương trình hành động tổ chức thực hiện các nghị quyết phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng cơ quan, đơn vị. Với phương châm "Nói cho thanh niên nghe và lắng nghe thanh niên nói", định kỳ hằng năm hoặc 6 tháng/năm, cấp ủy các cấp làm việc với ban thường vụ đoàn thanh niên nghe báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, lắng nghe các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của đoàn thanh niên để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng hoạt động, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của thanh niên và của tổ chức Đoàn; từng bước đưa hoạt động và phong trào đoàn thanh niên phát triển đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, thanh niên và sự kỳ vọng của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị. Các cấp ủy đảng đã có nhiều đổi mới phương thức lãnh đạo đối với tổ chức đoàn, dành thời gian trao đổi, đối thoại với đoàn viên, thanh niên để lắng nghe tâm tư nguyện vọng, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác Đoàn tại cơ sở; tin tưởng giao những việc mới, việc khó cho thanh niên và tổ chức Đoàn, tiêu biểu như các công trình, phần việc thanh niên, các đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng văn hóa công sở, cải cách thủ tục hành chính...Trong các nhiệm kỳ qua, các cấp ủy trực thuộc đã phối hợp với ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên nắm tư tưởng của thanh niên, từ đó đưa ra các nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp với tâm lý thanh niên trong thời kỳ mới. Quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn hoạt động và đã tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đoàn và phong trào thanh niên ở Khối các cơ quan Trung ương. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như của các cơ quan bộ, ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên rèn luyện, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, phát triển sở trường năng lực chuyên môn, đóng góp xứng đáng vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước trong những năm qua.

Cấp ủy các cấp trong Đảng bộ Khối đã quan tâm đào tạo bồi dưỡng, đề bạt cán bộ trẻ có phẩm chất và năng lực tham gia cấp ủy, giữ các chức vụ quản lý trong các cơ quan, đơn vị[15]. Đồng thời thường xuyên thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong độ tuổi đoàn, coi trọng trang bị kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đối tượng này. Các cơ sở đoàn trong Đảng bộ Khối thường xuyên tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong việc

[15] 39/59 đồng chí Bí thư Đoàn tham gia cấp ủy, đạt 66% (trong đó có 21 đồng chí bí thư đoàn cấp huyện, 13 bí thư đoàn cơ sở, 05 bí thư chi đoàn cơ sở).

tuyển chọn, điều động, bố trí cán bộ là đoàn viên[16].

Cấp ủy đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị quan tâm, tạo điều kiện về chế độ phụ cấp cho bí thư, phó bí thư và cán bộ đoàn chuyên trách[17].

3.8.2. hạn chế, khó khăn

Việc lãnh đạo, chăm lo xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức và hành động có lúc chưa quyết liệt, hiệu quả; việc bố trí, sắp xếp cán bộ đoàn cơ sở sau khi hết tuổi đoàn gặp nhiều khó khăn.

3.8.3. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị sửa đổi Quy định 289 về ban hành quy chế cán bộ đoàn, nâng độ tuổi tham gia Ban Chấp hành Đoàn cơ sở.

3.9. Về tài chính của Đảng (Chương XI)

3.9.1. Kết quả thực hiện

Thực hiện các quy định của Đảng về nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, thời gian qua, Đảng ủy Khối và các đảng ủy trực thuộc đã quán triệt, lãnh đạo thực hiện tốt quy định, hướng dẫn về công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Đảng.

Công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng đảng phí Đảng phí ở các đảng ủy trực thuộc được thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị ban hành Quy định về chế độ đảng phí và Công văn số 141-CV/VPTW/nb ngày 172/3/2011 của Văn phòng Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 quy định chế độ đảng phí. Đảng phí trích giữ lại được cân đối vào nguồn kinh phí hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng. Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng các cấp sử dụng từ đảng phí, tài chính của Đảng được thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và Bộ Tài chính. Trung bình hằng năm Đảng ủy Khối thu trên 10 tỷ tiền đảng phí và nộp về Văn phòng Trung ương trên 5 tỷ *(số tiền thu, nộp đảng phí tùy thuộc vào số lượng tăng, giảm đảng viên trong Đảng bộ Khối)*.

Nhìn chung, các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ Khối chấp hành nghiêm túc việc thu, nộp đảng phí theo quy định; việc quản lý và sử dụng đảng phí được thực hiện đúng theo Quyết định số 342-QĐ/TW ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị.

---

[16] Tính đến tháng 10 năm 2017, thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức trẻ (tính tuổi đời từ 22 - 35) giữ các chức vụ quản lý từ cấp phó phòng trở lên là 5.067 đồng chí (tăng thêm 3.345 đồng chí so với cuối năm 2011).

[17] Hiện nay có 23/57 đơn vị trong Khối có cán bộ đoàn chủ chốt (bí thư, phó bí thư) được hưởng chế độ phụ cấp. Ngoài ra, còn có 18 đồng chí là bí thư, cán bộ đoàn chủ chốt, cán bộ đoàn chuyên trách của 18 trường đại học, học viện, cao đẳng trong Khối được hưởng phụ cấp chức vụ theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ

3.9.2. Hạn chế

- Một số cấp ủy việc triển khai, cụ thể hóa các văn bản, hướng dẫn của Trung ương về chế độ đảng phí, chi hoạt động công tác đảng còn hạn chế; việc báo cáo thực hiện công tác tài chính đảng còn chậm so với thời gian quy định.

- Việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách thu, chi đảng phí chưa thường xuyên, nghiệp vụ chuyên môn chưa sâu. Việc nắm bắt, cập nhật thông tin các quy định về cơ chế, chế độ quản lý tài chính, tài sản chưa kịp thời, dẫn tới lúng túng trong quá trình thực hiện; việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thu, chi đảng phí chưa đồng bộ.

3.9.3. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị bỏ quy định cấp chi bộ hàng năm phải xây dựng dự trù kinh phí hoạt động và báo cáo quyết toán thu, chi đảng phí vào cuối năm vì cấp chi bộ trực thuộc số đảng phí được trích giữ theo tỷ lệ hàng tháng quá ít (30% thu hàng tháng) không đủ chi cho các hoạt động của chi bộ nên việc lập dự trù chỉ là hình thức, chỉ cần sử dụng sổ thu, chi đảng phí là phù hợp.

4. Đánh giá chung

4.1. Mặt được

Công tác quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, của Đảng ủy Khối về công tác tổ chức xây dựng đảng được quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và có kết quả. Kịp thời lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức đảng nhất là việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, rà soát, bổ sung quy chế làm việc theo các văn bản hiện hành. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác cán bộ, nhất là việc kiện toàn cấp ủy, thẩm định kết luận về tiêu chuẩn chính trị trong một số khâu của công tác cán bộ, tham gia đánh giá khi bổ nhiệm cán bộ.

Các đảng ủy, các chi bộ trực thuộc nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương, của Đảng ủy Khối và của các cấp ủy; thực hiện đầy đủ việc nghiên cứu, học tập, quán triệt Điều lệ Đảng, nghị quyết của Trung ương, của Đảng ủy Khối và của cấp ủy các cấp. Ban hành các văn bản cụ thể hóa Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn của Đảng bộ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong Đảng bộ Khối chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) và Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn

chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"...; việc giữ gìn đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị; ý thức xây dựng cơ quan, đơn vị và giữ gìn đoàn kết nội bộ; đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của cá nhân được tiếp tục triển khai đạt kết quả tích cực.

Đảng ủy Khối luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng và công tác quản lý đảng viên, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển đảng, kết nạp đảng viên; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý hồ sơ đảng viên và cộng tác bảo vệ chính trị nôi bộ Đảng. Chỉ đạo, hướng dẫn các đảng bộ, chi bộ trực thuộc tổ chức kiểm điểm phê bình và tự phê bình đối với tập thể và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức Đảng ủy Khối thực hiện nghiêm túc việc đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên. Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật Đảng được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, không ngừng củng cố, xây dựng Đảng bộ Khối trong sạch, vững mạnh.

(có các biểu thống kê số liệu minh họa kèm theo)

4.2. Hạn chế, nguyên nhân hạn chế

4.2.1. Hạn chế

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thi hành Điều lệ Đảng ở một số tổ chức đảng có lúc chưa quyết liệt; việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng chưa được quan tâm đúng mức, vẫn còn một số cấp ủy viên và một bộ phận đảng viên chưa nắm vững Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, chưa chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, thậm chí còn vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thực hiện chưa đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên.

Việc triển khai một số quy định của Đảng, văn bản của cấp trên chưa kịp thời theo quy định; thực hiện nghiệp vụ công tác xây dựng đảng ở một số nội dung còn lúng túng, sai sót. Một số tổ chức đảng chưa duy trì nghiêm túc chế độ sinh hoạt Đảng theo quy định, nội dung, hình thức sinh hoạt còn nghèo nàn, đơn điệu, chất lượng sinh hoạt chưa cao.

Trong thực hiện nhiệm vụ được phân công, một số cán bộ, đảng viên chưa thực sự trách nhiệm, tâm huyết, thụ động trong công tác; chưa tích cực tự nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, chưa thể hiện vai trò tiền phong gương mẫu; Trong công tác phê bình và tự phê bình còn tình trạng e dè, nể nang, né tránh.

Công tác kiểm tra, giám sát ở một số cơ sở chưa được chú trọng, đặc biệt là công tác kiểm tra, giám sát ở các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở còn bộc lộ nhiều yếu kém, nên hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát chưa cao. Còn một số đảng viên chưa nghiêm túc chấp hành quy định của Điều lệ Đảng nên dẫn đến vi phạm Quy định về những điều đảng viên không được làm, một số đảng viên bị cơ quan chức năng khởi tố, truy tố trách nhiệm hình sự.

Công tác lãnh đạo các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, hội Cựu chiến binh ở một số cơ sở chưa sâu sát, chưa thật sự quan tâm tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên hoạt động, do đó một số phong trào chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Một số tổ chức Đoàn ở cơ sở chưa chủ động, sáng tạo trong tổ chức các phong trào hoạt động nhằm tập hợp sức mạnh của đoàn viên thanh niên.

4.2.2. Nguyên nhân hạn chế

- Mô hình tổ chức đảng trong Đảng Khối còn nhiều bất cập, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

- Một số cơ quan, đơn vị vẫn còn tình trạng xem nhẹ công tác đảng và sinh hoạt đảng; nhận thức, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị về công tác xây dựng đảng còn chưa đầy đủ; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị ở một số nơi chưa cao.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác đảng ở một số cấp ủy chưa được quan tâm, thiếu về số lượng, nghiệp vụ công tác đảng chưa đáp ứng được yêu cầu công tác tham mưu, giúp việc cấp ủy; chế độ chính sách đối với cán bộ chuyên trách làm công tác đảng còn khó khăn, bất cập chưa có quy định cụ thể.

4.3. Bài học kinh nghiệm

Một là, thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; bám sát cương lĩnh, Điều lệ Đảng và nghị quyết của cấp trên để cụ thể hóa phù hợp thành các quy chế, quy định phù hợp với thực tiễn tại cơ quan, đơn vị.

Hai là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức đảng, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm Điều lệ Đảng, nghị quyết, quy định của Đảng và pháp luật nhà nước.

Ba là, nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng và các cấp ủy; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy trong việc thực hiện Điều lệ Đảng. Trong tổ chức, thực hiện cần phải giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; lãnh đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội

bộ; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và người lao động.

Bốn là, đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi đây là khâu đột phá quan trọng nhất trong công tác xây dựng Đảng; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết; tăng cường kiểm tra, giám sát đảng viên, đặc biệt là đảng viên giữ các chức vụ chủ chốt trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Điều lệ Đảng, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Đảng.

Năm là, thường xuyên sơ kết, tổng kết thực tiễn thi hành Điều lệ Đảng để bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, hướng dẫn sát với tình hình thực tiễn.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Ngoài các kiến nghị, đề xuất tại các Chương I, II, V, VII, VIII, X, Đảng ủy Khối kiến nghị một số vấn đề sau:

1. Hiện nay người xin vào Đảng có độ tuổi trung bình khá trẻ do vậy bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ (chồng) đã thay đổi chỗ ở nhiều nơi nên khi thực hiện thẩm tra về lịch sử chính trị không có cơ sở để thẩm tra xác minh, đề nghị Trung ương nghiên cứu bổ sung các mốc thời gian đối với từng đối tượng cho phù hợp để thuận lợi cho việc thẩm tra xác minh.

2. Quy định rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của đảng bộ bộ phận trong Điều lệ Đảng để phát huy hết hiệu quả hoạt động của đảng bộ bộ phận; hình thức khen thưởng đảng bộ bộ phận vì "*Đảng ủy bộ phận là cấp trên của các chi bộ họp thường kỳ một tháng một lần, có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng ủy cơ sở ở chi bộ, thẩm định nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên...*".

3. Ban hành hướng dẫn khung quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở; khung quy chế phối hợp của cấp ủy - thủ trưởng đơn vị cơ quan.

4. Nghiên cứu bổ sung thêm một số quyền khi giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở mà cấp ủy cấp trên trực tiếp không phải là cấp ủy trực thuộc Trung ương được quyết định phát thẻ đảng viên, quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên theo phần mềm 3.0.

5. Nghiên cứu sửa đổi nhiệm kỳ đại hội chi bộ trực thuộc 5 năm một lần, để cho phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

6. Ban hành các loại mẫu biểu mẫu, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và khen thưởng, kỷ luật của cấp ủy và ủy ban kiểm tra; quy trình kiểm tra, giám sát ở chi bộ.

7. Hướng dẫn cụ thể về thủ tục, xét công nhận đảng viên chính thức đối với trường hợp đảng viên dự bị bị xử lý kỷ luật, hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ đảng viên nhưng chưa đến mức phải xoá tên trong danh sách đảng viên.

8. Sửa đổi mẫu giấy giới thiệu sinh hoạt đảng cùng khổ giấy A4 cho phù hợp và thuận tiện cho việc lưu trữ cũng như viết nội dung chuyển sinh hoạt đảng (mẫu giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng hiện nay quá nhỏ).

9. Vấn đề đảng viên có thêm quốc tịch nước ngoài: Theo báo cáo của Đảng ủy Bộ Ngoại giao, thực tiễn hiện nay số đảng viên có thêm quốc tịch nước ngoài dần tăng lên, chưa được xem xét, xử lý (tính đến tháng 4/2023 có 216 trường hợp liên quan đến đảng tịch của đảng viên ở ngoài nước; trong đó có 125 đảng viên hai quốc tịch, 58 trường hợp giám đoạn sinh hoạt đảng bị xóa tên, 35 trường hợp lấy vợ, chồng người nước ngoài và định cư lâu dài ở nước ngoài). Đề nghị Trung ương có quy định, hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện.

10. Đề nghị Trung ương nghiên cứu có quy định về tổ chức đảng trong các doanh nghiệp của Việt Nam hoạt động ở nước ngoài.

11. Một số kiến nghị, đề xuất khác

(1) Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương được thành lập năm 2007 *(Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương gồm tổ chức đảng trong các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương; Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương gồm tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước)*, do thành lập sau khi Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nên chưa được quy định trong Điều lệ Đảng; các tổ chức khác như tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam đều đã được quy định trong Điều lệ Đảng. Vì vậy, đề nghị Trung ương bổ sung vào Điều lệ Đảng một Khoản sau Khoản 2, Điều 10, nội dung là: ***"Ở Trung ương, lập Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương".***

(2) Đề xuất Trung ương xem xét có quy định về việc thành lập ban dân vận (cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc cấp ủy) ở đảng ủy cấp trên trực tiếp tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Khối.

Trên đây là kết quả thi hành Điều lệ Đảng trong Đảng bộ Khối từ năm 2011 đến nay, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương trân trọng báo cáo./.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (để báo cáo),
- Các đồng chí UV BCH Đảng bộ Khối,
- Các ban, đơn vị Đảng ủy Khối,
- Các đảng ủy trực thuộc ĐUK,
- Lưu VP, BTC.

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

Biểu số 1

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành
I	**NGHỊ QUYẾT**			
1	Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 01-NQ/ĐUK	10/01/2012	BCH Đảng bộ Khối
2	Nghị quyết số 02-NQ/ĐUK về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị tư tưởng	Số 02-NQ/ĐUK	10/10/2012	BCH Đảng bộ Khối
3	Nghị quyết số 03-NQ/ĐUK về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong Đảng bộ Khối	Số 03-NQ/ĐUK	18/03/2013	BCH Đảng bộ Khối
4	Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK về nâng cao chất lượng chi bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 01-NQ/ĐUK	19/08/2016	BCH Đảng bộ Khối
5	Nghị quyết số 02-NQ/ĐUK về đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 02-NQ/ĐUK	27/10/2016	BCH Đảng bộ Khối
6	Nghị quyết số 04-NQ/ĐUK về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của đảng bộ cơ quan nhà nước.	Số 04-NQ/ĐUK	25/01/2017	BCH Đảng bộ Khối
7	Nghị quyết số 05-NQ/ĐUK về đổi mới công tác tư tưởng nhằm đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.	Số 05-NQ/ĐUK	25/01/2017	BCH Đảng bộ Khối
8	Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK về tăng cường tính tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong tình hình hiện nay.	Số 06-NQ/ĐUK	25/01/2017	BCH Đảng bộ Khối
9	Nghị quyết số 07-NQ/ĐUK về đẩy mạnh cải cách hành chính trng công tác đảng của Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 07-NQ/ĐUK	31/08/2017	BCH Đảng bộ Khối

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành
10	Nghị quyết số 08-NQ/ĐUK về nâng cao chất lượng, hiệu quả cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Khối và các đảng ủy trực thuộc.	Số 08-NQ/ĐUK	31/08/2017	BCH Đảng bộ Khối
11	Nghị quyết số 03-NQ/ĐUK về tiếp tục và nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng lý luận chính trị trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới	Số 03-NQ/ĐUK	26/07/2021	BCH Đảng bộ Khối
12	Nghị quyết số 02-NQ/ĐUK Hội nghị lần thứ 5 BCH Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương khóa XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Số 02-NQ/ĐUK	20/07/2021	BCH Đảng bộ Khối
13	Nghị quyết số 06-NQ/ĐUK Hội nghị lần thứ 7 BCH Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương khóa XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Số 06-NQ/ĐUK	28/12/2021	BCH Đảng bộ Khối
14	Nghị quyết số 10-NQ/ĐUK về nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác thanh niên Khối các cơ quan Trung ương trong tình hình mới.	Số 10-NQ/ĐUK	19/05/2022	BCH Đảng bộ Khối
15	Nghị quyết số 11-NQ/ĐUK Hội nghị lần thứ 9 BCH Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương khóa XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.	Số 11-NQ/ĐUK	11/07/2022	BCH Đảng bộ Khối
16	Nghị quyết số 15-NQ/ĐUK về tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương.	Số 15-NQ/ĐUK	16/01/2023	BCH Đảng bộ Khối
II	**CHỈ THỊ**			
1	Chỉ thị số 03-CT/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 03-CT/ĐUK	10/11/2011	BTV Đảng ủy Khối
2	Chỉ thị số 04-CT/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về tăng cường thông tin đối ngoại và chất vấn trong Đảng, chủ động định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng,	Số 04-CT/ĐUK	10/10/2013	BTV Đảng ủy Khối

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành
3	Chỉ thị số 05-CT/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về việc phòng, chống những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên ở Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 05-CT/ĐUK	31/03/2014	BTV Đảng ủy Khối
4	Chỉ thị số 01-CT/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương.	Số 01-CT/ĐUK	23/06/2016	BTV Đảng ủy Khối
5	Chỉ thị số 02-CT/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương trong việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển danh nghiệp đến năm 2020	Số 02-CT/ĐUK	01/09/2016	BTV Đảng ủy Khối
6	Chỉ thị số 01-CT/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 01-CT/ĐUK	12/07/2021	BTV Đảng ủy Khối
7	Chỉ thị số 03-CT/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về tăng cường công tác quản lý đảng viên trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 03-CT/ĐUK	10/11/2022	BTV Đảng ủy Khối
III	**KẾT LUẬN**			
1	Kết luận số 85-KL/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK ngày 28/7/2009 của BCH Đảng bộ Khối về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác thanh niên Khối các cơ quan Trung ương	Số 85-KL/ĐUK	09/11/2012	BTV Đảng ủy Khối
2	Kết luận số 157-KL/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên trong Đảng bộ Khối các cơ quan TW	Số 157-KL/ĐUK	29/11/2017	BTV Đảng ủy Khối

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành
3	Kết luận số 328-KL/ĐUK của BCH Đảng bộ Khối về tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng học tạp, quán triệt nghị quyết của Đảng.	Số 328-KL/ĐUK	27/08/2019	BCH Đảng bộ Khối
4	Kết luận số 02-KL/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 01-CT/ĐUK ngày 23/6/2016 của BTV Đảng ủy Khối về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương	Số 02-KL/ĐUK	03/12/2019	BTV Đảng ủy Khối
5	Kết luận số 03-KL/ĐUK của BCH Đảng bộ Khối về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 02-NQ/ĐUK ngày 10/10/2012 của BCH Đảng bộ Khối về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng.	Số 03-KL/ĐUK	11/12/2019	BCH Đảng bộ Khối
6	Kết luận số 06-KL/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK ngày 19/8/2016 về nâng cao chất lượng chi bộ trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương,	Số 06-KL/ĐUK	08/02/2022	BTV Đảng ủy Khối
7	Kết luận số 08-KL/ĐUK của BCH Đảng bộ Khối về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/ĐUK ngày 25/01/2017 về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của đảng bộ các cơ quan nhà nước.	Số 08-KL/ĐUK	28/04/2022	BCH Đảng bộ Khối
8	Kết luận số 10-KL/ĐUK của BCH Đảng bộ Khối về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/ĐUK ngày 25/01/2017 về đổi mới công tác tư tưởng nhằm đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả biểu hiện "tự diễn biến', "tự chuyển hóa" trong nội bộ.	Số 10-KL/ĐUK	06/05/2022	BCH Đảng bộ Khối
9	Kết luận số 590-KL/ĐUK của BCH Đảng bộ Khối về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/ĐUK ngày về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị tư tưởng.	Số590-KL/ĐUK	10/05/2023	BCH Đảng bộ Khối
10	Kết luận số 157-KL/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên trong Đảng bộ Khối các cơ quan TW	Số 157-KL/ĐUK	29/11/2017	BTV Đảng ủy Khối

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành
11	Kết luận số 162-KL/ĐUK của BTV Đảng ủy Khối về tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương.	Số 162-KL/ĐUK	26/12/2017	BTV Đảng ủy Khối
	Tổng cộng: 33 văn bản			

Người lập biểu

Trần Quốc Hợp
SĐT:0912253099

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

THỐNG KÊ ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP

Biểu số 2

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn		Ghi chú
		31/12/2010-31/12/2020	01/01/2021-30/6/2023	
1	**Số lượng**	**39.731**	**6.528**	
	Trong đó:			
-	Kết nạp lại	126	16	
-	Phụ nữ	3.178	718	
-	Dân tộc thiểu số	79	65	
-	Tôn giáo	198	32	
-	Cán bộ, công chức			
-	Nông dân			
-	Công dân thường trú ở khu phố			
-	Công nhân:	794	130	
	+ Trong doanh nghiệp Nhà nước	4.767	783	
	+ Trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước			
-	Người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	12.714	2.089	
-	Sỹ quan, chiến sỹ QĐND			
-	Sỹ quan, chiến sỹ CAND			
-	Sinh viên, học sinh	476	78	
2	**Nguồn giới thiệu**			
	Do ĐTNCSHCM giới thiệu	22.249	3.655	
	Do Công đoàn giới thiệu	17.482	2.873	
3	**Tuổi đời**			
	Từ 18 - 30	8.343	1.370	
	Từ 31 - 40	15.495	2.546	
	Từ 41 -50	11.522	1.893	
	Từ 51 tuổi trở lên	4.371	719	
	Tuổi bình quân			

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn		Ghi chú
		31/12/2010-31/12/2020	01/01/2021-30/6/2023	
4	**Trình độ học vấn**			
	Biết đọc, biết viết			
	Tiểu học			
	Trung học cơ sở	124	0	
	Trung học phổ thông	39.607	6.528	
5	**Trình độ chuyên môn**			
	Sơ cấp	41	0	
	Trung cấp	914	39	
	Cao đẳng	5.959	783	
	Đại học	17.362	2.768	
	Thạc sỹ	11.125	2.081	
	Tiến sỹ	4.330	857	

Người lập biểu

Trịnh Quốc Thuấn
SĐT: 0904594739

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM ĐẢNG VIÊN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2023

Biểu số 3

Số TT	Tiêu chí	Tính đến 31/12/2010	Tính đến 31/12/2020	Tính đến 01/01/2023	Ghi chú
A	**Tổng số đảng viên đầu kỳ**	**59.352**	**81.196**	**78.163**	
B	**Tăng trong kỳ**				
1	Kết nạp	2.564	2.741	2.328	
2	Phục hồi đảng tịch				
C	**Giảm trong kỳ**				
1	Từ trần	34		35	
2	Khai trừ	13	7	21	
3	Xoá tên	19	16	19	
	Trong đó: Đảng viên dự bị	5	4	5	
4	Xin ra khỏi Đảng	6	12	14	
D	**Tổng số đảng viên cuối kỳ**				

Người lập biểu

Trịnh Quốc Thuấn
SĐT: 0904594739

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

Biểu số 4

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm			Ghi chú
		01/01/2011	01/01/2021	01/01/2023	
I	**Số lượng**	**59352**	**81196**	**78163**	
	Trong đó				
1	Nữ	17.695	28.796	27.124	
2	Dự bị	2.987	3.237	4.120	
3	Dân tộc thiểu số	667	1.329	1.307	
4	Tôn giáo	196	246	245	
5	Đoàn viên ĐTNCSHCM	9.567	16.753	17.219	
6	Công nhân				
7	Nông dân				
8	Trí thức				
9	Chủ doanh nghiệp tư nhân				
10	Trong DN ngoài KV Nhà nước				
11	Quân nhân xuất ngũ				
12	Có quốc tịch nước ngoài (nếu có)		125	125	
13	Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài				
14	Không sinh hoạt thường xuyên do làm ăn xa				
15	Được miễn công tác và sinh hoạt đảng				
	Dưới 70 tuổi				
	Từ 70 đến dưới 75 tuổi				
	Từ 75 đến dưới 80 tuổi				
	Trên 80 tuổi				
II	**Tuổi đời**				
1	18 đến 30 tuổi	9.289	15.122	14.513	
2	31 đến 40 tuổi	21.591	34.296	32.572	
3	41 đến 50 tuổi	17.143	23.336	22.293	
4	51 đến 60 tuổi	10.433	7.719	8.401	
5	61 tuổi trở lên	896	723	384	
6	*Tuổi bình quân*	*40,63*	*38,44*	*38,54*	
III	**Trình độ học vấn**				
1	Biết chữ Quốc ngữ				
2	Tiểu học				
3	Trung học cơ sở	754	71	44	
4	Trung học phổ thông	58.598	81.125	78.119	
IV	**Trình độ chuyên môn**				
	Công nhân kỹ thuật, nhân viên, chưa qua	2234	242	319	
1	Trung cấp	1755	1.433	1274	
2	Cao đẳng	1836	467	506	
3	Đại học	42376	55.042	53261	
4	Thạc sỹ	8162	19.211	18355	
5	Tiến sỹ	2989	4.801	4448	

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm			Ghi chú
		01/01/2011	01/01/2021	01/01/2023	
V	**Trình độ lý luận chính trị**				
1	Sơ cấp, chưa qua đào tạo	26122	11.529	12093	
2	Trung cấp	21476	40.599	33761	
3	Cao cấp, cử nhân	11754	29.068	32309	

Người lập biểu

Trịnh Quốc Thuấn
SĐT: 0904594739

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

THỐNG KÊ ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

Biểu số 5

STT	Loại hình	Số lượng đảng bộ			Ghi chú
		31/12/2010	31/12/2020	01/01/2023	
1	Cơ quan Đảng, MTTQ, đoàn thể CT-XH	2	2	2	
2	Cơ quan Nhà nước	23	27	26	
3	Đơn vị sự nghiệp	6	6	6	
4	Đảng bộ khác: ghi rõ tên đảng bộ	2	0	0	
	Tổng cộng	**33**	**35**	**34**	

- ***Đảng bộ khác:*** *Đảng bộ Ngoài nước, Đảng bộ Cục Hàng không Việt Nam*

Người lập biểu

Trịnh Quốc Thuấn
SĐT: 0904594739

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

THỐNG KÊ CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Biểu số 6

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã									Ngoài nước	Khác
										Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			*Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước*					*Hợp tác xã*		
						Công lập	*Ngoài công lập*			*Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*	*Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên*	*Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ*	*Công ty Cổ phần*	*Doanh nghiệp tư nhân*	*Công ty trách nhiệm hữu hạn*	*Công ty hợp danh*	*DN có vốn nước ngoài*			
Tính đến 30/6/2023																				
1	**Đảng bộ cơ sở**				**222**	**211**				**13**	**30**	**17**	**15**						**30**	**15**
1.1	***Chia theo số lượng đảng viên***				**38.271**	**19.061**				**3.712**	**3.665**	**370**	**1.125**						**9.648**	**1.287**
Trong đó	*Dưới 30 đảng viên*				3	3					1	1	1							
	Từ 30 đến 49 đảng viên				82	75				2	5	3	4						6	2
	Từ 50 đến 99 đảng viên				112	108				6	13	8	8						16	12
	Từ 100 đến 149 đảng viên				16	18				3	5	3	2						7	1
	Từ 150 đến 199 đảng viên				6	5				2	4	2							1	
	Từ 200 đảng viên trở lên				3	2					2									
1.2	***Số đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền, ủy quyền***																			
	- ĐBCS mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở																			
	- ĐBCS mà đảng ủy được thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở				6	1				2										

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã									Ngoài nước	Khác
										Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			*Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước*					*Hợp tác xã*		
						Công lập	*Ngoài công lập*			*Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*	*Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên*	*Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ*	*Công ty Cổ phần*	*Doanh nghiệp tư nhân*	*Công ty trách nhiệm hữu hạn*	*Công ty hợp danh*	*DN có vốn nước ngoài*			
	- ĐBCS mà đảng ủy được ủy quyền kết nạp, khai trừ đảng viên				34	15				1		1								4
2	**Chi bộ cơ sở**				**158**	**222**				**9**	**18**	**5**	**39**						**39**	**12**
3	**Đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở**				**37**	**27**				**2**	**3**	**1**	**3**						**10**	
Trong đó	*Số chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận*				173	122				10	11	5	13						51	
	Số lượng đảng viên				2.147	1.647				150	156	73	195						714	
4	**Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở**				**1.909**	**1.632**				**406**	**141**	**27**	**107**						**372**	**148**
Trong đó	*Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên*				197	168				96	25	5	21						7	13
	Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên				661	530				129	47	8	53						99	48
	Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên				1.013	890				163	57	10	25						213	75
	Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên				38	32				17	12	3	8						51	12
	Chi bộ có trên 100 đảng viên					12				1		1							2	
5	**Số chi bộ đông đảng viên chia thành nhiều tổ đảng**				**17**	**21**				**6**	**3**	**1**	**3**						**13**	

Tính đến 31/12/2020

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã									Ngoài nước	Khác
										Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			*Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước*					*Hợp tác xã*		
						Công lập	*Ngoài công lập*			*Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*	*Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên*	*Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ*	*Công ty Cổ phần*	*Doanh nghiệp tư nhân*	*Công ty trách nhiệm hữu hạn*	*Công ty hợp danh*	*DN có vốn nước ngoài*			
1	**Đảng bộ cơ sở**				**216**	**215**				**22**	**32**	**15**	**15**						**30**	**15**
1.1	***Chia theo số lượng đảng viên***				**31.754**	**25.788**				**1.622**	**6.448**	**679**	**1.961**						**10.868**	**2.076**
Trong đó	*Từ 30 đến 49 đảng viên*				79	82				5	5	3	4						6	2
	Từ 50 đến 99 đảng viên				112	108				6	13	7	8						16	12
	Từ 100 đến 149 đảng viên				16	18				6	5	3	2						7	1
	Từ 150 đến 199 đảng viên				6	5				5	5	2							1	
	Từ 200 đảng viên trở lên				3	2					4		1							
1.2	***Số đảng bộ mà đảng ủy được giao quyền, ủy quyền***																			
	- ĐBCS mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở																			
	- ĐBCS mà đảng ủy được thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở				6	2				3										
	- ĐBCS mà đảng ủy được ủy quyền kết nạp, khai trừ đảng viên				33	15				1		1								4
2	**Chi bộ cơ sở**				**145**	**259**				**8**	**21**	**8**	**42**						**39**	**17**
3	**Đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở**				**41**	**14**				**16**	**16**		**2**						**10**	**1**

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã									Ngoài nước	Khác
										Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			*Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước*					*Hợp tác xã*		
						Công lập	*Ngoài công lập*			*Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*	*Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên*	*Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ*	*Công ty Cổ phần*	*Doanh nghiệp tư nhân*	*Công ty trách nhiệm hữu hạn*	*Công ty hợp danh*	*DN có vốn nước ngoài*			
Trong đó	*Số chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận*				167	122				10	11	5	13						51	
	Số lượng đảng viên				2.057	1.647				150	156	73	195						714	
4	**Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở**				**1.981**	**1.773**				**442**	**155**	**31**	**120**						**456**	**120**
Trong đó	*Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên*				205	178				98	28	7	21						7	13
	Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên				691	564				135	50	10	57						111	48
	Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên				1.091	970				174	57	15	31						218	77
	Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên				48	40				21	14	5	11						52	12
	Chi bộ có trên 100 đảng viên				2	12				2		1							2	
5	**Số chi bộ đông đảng viên chia thành nhiều tổ đảng**				**19**	**25**				**6**	**3**	**1**	**3**						**16**	
Tính đến 31/12/2015																				
1	**Đảng bộ cơ sở**				**162**	**177**				**18**	**18**	**6**	**8**						**21**	**13**
1.1	***Chia theo số lượng đảng viên***				**29.165**	**24.153**				**1.556**	**4.823**	**579**	**1.874**							**1.993**
Trong đó	*Từ 30 đến 49 đảng viên*				51	59				4	3	2	3						6	2
	Từ 50 đến 99 đảng viên				93	100				5	7	2	3						11	10
	Từ 100 đến 149 đảng viên				11	13				3	2	1	1						3	1

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã									Ngoài nước	Khác
										Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			*Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước*					*Hợp tác xã*		
						Công lập	*Ngoài công lập*			*Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*	*Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên*	*Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ*	*Công ty Cổ phần*	*Doanh nghiệp tư nhân*	*Công ty trách nhiệm hữu hạn*	*Công ty hợp danh*	*DN có vốn nước ngoài*			
T	*Từ 150 đến 199 đảng viên*				5	3				5	4	1							1	
	Từ 200 đảng viên trở lên				2	2				1	2		1							
1,2	***Số đảng bộ mà đảng ủy được giao, ủy quyền***																			
	- ĐBCS mà đảng ủy được giao quyền cấp trên cơ sở																			
	- ĐBCS mà đảng ủy được thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở				5	2				3										
	- ĐBCS mà đảng ủy được ủy quyền kết nạp, khai trừ đảng viên				33	15				1		1								4
2	**Chi bộ cơ sở**				**65**	**249**				**9**	**43**	**1**								**21**
3	**Đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở**				**22**	**3**				**1**										**4**
Trong đó	*Số chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận*				211	83				53	59		9						51	5
	Số lượng đảng viên				2.637	1.153				752	837		158						760	65
4	**Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở**				**1.856**	**1.602**				**366**	**96**	**31**	**111**						**405**	**143**
	Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên				*194*	*163*				*88*	*17*	*7*	*21*						*7*	*13*

STT	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã									Ngoài nước	Khác
										Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			*Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước*							
						Công lập	*Ngoài công lập*			*Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*	*Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên*	*Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ*	*Công ty Cổ phần*	*Doanh nghiệp tư nhân*	*Công ty trách nhiệm hữu hạn*	*Công ty hợp danh*	*DN có vốn nước ngoài*	*Hợp tác xã*		
Trong đó	*Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên*				*644*	*515*				*112*	*25*	*8*	*53*						*125*	*48*
	Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên				*983*	*880*				*148*	*42*	*12*	*25*						*220*	*70*
	Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên				*35*	*32*				*17*	*12*	*3*	*12*						*51*	*12*
	Chi bộ có trên 100 đảng viên					*12*				*1*		*1*							*2*	
5	**Số chi bộ đông đảng viên chia thành nhiều tổ đảng**				**16**	**20**				**6**	**3**	**1**	**3**						**13**	

Người lập biểu

Trần Quốc Hợp
SĐT:0912253099

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THỐNG KÊ CẤP UỶ TỈNH, THÀNH PHỐ, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
Nhiệm kỳ 2010-2015, Nhiệm kỳ 2015-2020 và Nhiệm kỳ 2020-2025

Biểu số 8

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Uỷ viên ban thường vụ			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	
	TỔNG SỐ	53	55	54	15	15	14	1	1	1	
	Trong đó: - Dân tộc thiểu số	1	2	1	1	1	1	0	0	0	
	- Tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Nữ	7	6	5	2	1	3	0	0	0	
	- Tái cử	16	15	13	5	7	3	0	0	0	
	- Xuất thân là công nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Cán bộ không là người địa phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	**Tuổi đời**										
	- Từ 18 - 30 tuổi	1	1	0	0	0	0	0	0	0	
	- Từ 31 - 35 tuổi	3	1	2	0	0	0	0	0	0	
	- Từ 36 - 40 tuổi	5	5	5	0	0	0	0	0	0	
	- Từ 41 - 45 tuổi	10	11	15	1	1	0	0	0		
	- Từ 46 - 50 tuổi	10	13	15	4	3	2	0	0	0	
	- Từ 51 - 55 tuổi	15	16	10	5	7	7	0	0	0	
	- Trên 55 tuổi	9	8	7	5	4	5	1	1	1	
	Tuổi bình quân	***46,07***	***47,85***	***43,7***	***51,66***	***51,86***	***56,92***	***53***	***55***	***55***	
2	**Trình độ chuyên môn nghiệp vụ**										
	- Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Uỷ viên ban thường vụ			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	
	- Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Đại học	4	5	3	0	0	0	0	0	0	
	- Thạc sỹ	35	38	35	10	8	6	1	1	1	
	- Tiến sỹ	14	12	16	5	7	8	0	0	0	
3	**Chức danh khoa học**										
	- Phó giáo sư	5	7	8	1	2	1	0	0	0	
	- Giáo sư	2	1	3	1	0	2	0	0	0	
4	**Trình độ lý luận chính trị**										
	- Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Cao cấp, cử nhân	53	55	54	15	15	15	1	1	1	
5	**Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch**										
	- Chuyên viên (tương đương)	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Chuyên viên chính (tương đương)	15	17	13	1	0	1	0	0	0	
	- Chuyên viên cao cấp (tương đương)	37	38	41	14	15	13	1	1	1	

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Bá Tùng
SĐT: 0914459352

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THỐNG KÊ CẤP UỶ CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG
Nhiệm kỳ 2010-2015, Nhiệm kỳ 2015-2020 và Nhiệm kỳ 2020-2025

Biểu số 9

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Uỷ viên ban thường vụ			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	
	TỔNG SỐ	798	829	850	176	189	204	34	34	34	
	Trong đó: - Dân tộc thiểu số	35	54	76	8	9	12	2	0	1	
	- Tôn giáo										
	- Nữ	106	127	135	27	36	43	2	3	4	
	- Tái cử	236	249	276	52	62	70	11	13	10	
	- Xuất thân là công nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	**Tuổi đời**										
	- Từ 18 - 30 tuổi	23	28	32	0	0	0	0	0	0	
	- Từ 31 - 35 tuổi	56	46	42	2	4	5	0	0	0	
	- Từ 36 - 40 tuổi	79	86	93	16	18	23	0	0	0	
	- Từ 41 - 45 tuổi	135	176	156	32	29	36	0	2	1	
	- Từ 46 - 50 tuổi	216	209	236	48	58	48	4	3	6	
	- Từ 51 - 55 tuổi	181	179	156	52	49	55	18	16	18	
	- Trên 55 tuổi	108	105	135	26	31	37	12	13	9	
	Tuổi bình quân	***47***	***46***	***46***	***49***	***47***	***48***	***53***	***53***	***52***	
2	**Trình độ chuyên môn nghiệp vụ**										
	- Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Cao đẳng	8	4	2	0	0	0	0	0	0	

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Uỷ viên ban thường vụ			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	
	- Đại học	477	443	472	81	66	86	3	4	8	
	- Thạc sỹ	233	286	273	60	89	95	23	21	23	
	- Tiến sỹ	80	96	103	35	34	23	8	9	11	
3	**Chức danh khoa học**										
	- Phó giáo sư	12	8	21	2	7	12	1	2	4	
	- Giáo sư	7	3	6	1	4	5	0	2	1	
4	**Trình độ lý luận chính trị**										
	- Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Trung cấp	42	37	34	0	0	0	0	0	0	
	- Cao cấp, cử nhân	756	792	816	176	189	204	34	34	34	
5	**Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch**										
	- Chuyên viên (tương đương)	85	96	106	0	0	0	0	0	0	
	- Chuyên viên chính (tương đương)	506	498	521	67	82	81	0	0	0	
	- Chuyên viên cao cấp (tương đương)	207	235	223	109	107	123	34	34	34	

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Bá Tùng
SĐT: 0914459352

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THỐNG KÊ CẤP UỶ CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2010-2015, Nhiệm kỳ 2015-2020 và Nhiệm kỳ 2020-2025

Biểu số 10

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Uỷ viên ban thường vụ			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	
	TỔNG SỐ	10823	10849	10935	1989	2016	2036	1046	1056	1067	
	Trong đó: - Dân tộc thiểu số	243	236	259	26	32	43	2	4	6	
	- Tôn giáo	65	57	47	0	0	0	0	0	0	
	- Nữ	1026	1045	1086	89	102	124	89	109	118	
	- Tái cử	3659	3786	3906	314	342	368	136	132	141	
	- Xuất thân là công nhân	176	96	75	0	0	0	0	0	0	
1	**Tuổi đời**										
	- Từ 18 - 30 tuổi	206	276	306	8	17	35	0	0	0	
	- Từ 31 - 35 tuổi	892	867	856	35	59	76	9	7	3	
	- Từ 36 - 40 tuổi	1089	1072	1032	176	207	217	17	23	29	
	- Từ 41 - 45 tuổi	3476	3046	3064	437	413	489	346	307	314	
	- Từ 46 - 50 tuổi	2673	2579	2496	663	559	576	396	386	379	
	- Từ 51 - 55 tuổi	2001	2127	2332	372	484	458	143	189	201	
	- Trên 55 tuổi	989	882	849	207	277	185	135	144	141	
	Tuổi bình quân	***47,48***	***45,34***	***45,34***	***45,12***	***47,46***	***46,52***	***47,64***	***48,07***	***48,08***	
2	**Trình độ chuyên môn nghiệp vụ**										
	- Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Trung cấp	156	135	117	0	0	0	0	0	0	
	- Cao đẳng	274	251	207	0	0	0	0	0	0	

Số TT	Tiêu chí	Ủy viên ban chấp hành			Uỷ viên ban thường vụ			Bí thư			Ghi chú
		2010-2015	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	*2010-2015*	*2015-2020*	*2020-2025*	
	- Đại học	4864	4768	4967	315	365	409	262	230	247	
	- Thạc sỹ	4602	4556	4351	1107	1098	1082	603	632	645	
	- Tiến sỹ	927	1139	1293	567	563	572	181	194	205	
3	**Chức danh khoa học**										
	- Phó giáo sư	1896	2036	1989	232	289	279	146	159	176	
	- Giáo sư	235	249	276	96	103	106	26	30	42	
4	**Trình độ lý luận chính trị**										
	- Sơ cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	- Trung cấp	1236	1539	1024	0	0	0	0	0	0	
	- Cao cấp, cử nhân	9587	9310	9911	1989	2016	2036	1046	1056	1067	
5	**Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch**										
	- Chuyên viên (tương đương)	4026	4237	4368	0	0	0	0	0	0	
	- Chuyên viên chính (tương đương)	5230	5016	5125	949	1003	1072	319	408	429	
	- Chuyên viên cao cấp (tương đương)	1567	1596	1442	1040	1013	964	727	648	638	

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Bá Tùng
SĐT: 0914459352

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THỐNG KÊ
ĐỘI NGŨ CÁN BỘ DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ

Biểu số 12

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm			Ghi chú
		31/12/2010	31/12/2020	30/6/2023	
1	2	3		4	5
1	**Số lượng**	**4**	**5**	**4**	
	trong đó:				
	Nữ	0	0	0	
	Dân tộc thiểu số	0	1	0	
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác	1	2	2	
2	**Độ tuổi**				
	Dưới 45 tuổi	0	0	0	
	Từ 46 đến 50 tuổi	0	0	0	
	Từ 51 đến 55 tuổi	3	2	2	
	Từ 56 tuổi trở lên	1	3	2	
3	**Trình độ chuyên môn**				
	Trung cấp	0	0	0	
	Cao đẳng	0	0	0	
	Đại học	0	0	0	
	Thạc sỹ	3	3	3	
	Tiến sỹ	1	2	1	
4	**Lĩnh vực đào tạo**				
	Nội chính, pháp luật	0	0	0	
	Quân đội		0	0	
	Công an	1	0	0	
	Kinh tế, tài chính	0	0	0	
	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật	0	2	2	
	Khoa học xã hội, nhân văn	3	1	2	
	Xây dựng Đảng	0	1	0	
	Hành chính nhà nước	0	1	0	
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế	0	0	0	
5	**Chức danh khoa học**				
	Giáo sư	0	0	0	
	Phó giáo sư	0	0	0	
6	**Trình độ lý luận chính trị**				
	Sơ cấp	0	0	0	
	Trung cấp	0	0	0	
	Cao cấp, cử nhân	4	5	4	

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Bá Tùng
SĐT: 0914459352

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ
ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, HUYỆN ỦY QUẢN LÝ

Biểu số 13

TT	Chỉ tiêu	Diện BTV Tỉnh ủy quản lý			Diện BTV Huyện ủy quản lý		
		31/12/2010	31/12/2020	30/6/2023	31/12/2010	31/12/2020	30/6/2023
1	**Số lượng**	**1136**	**1171**	**1201**	**10025**	**10020**	**10085**
	trong đó:						
	Nữ	125	136	147	1896	2003	2119
	Dân tộc thiểu số	52	67	78	562	543	596
	Đã kinh qua vị trí lãnh đạo ở địa phương, cơ quan khác	256	305	386	1563	1453	1658
2	**Độ tuổi**						
	Dưới 40 tuổi	56	89	93	203	276	305
	Từ 41 đến 45 tuổi	203	216	236	1239	1169	1365
	Từ 46 đến 50 tuổi	256	243	254	3269	3026	2996
	Từ 51 đến 55 tuổi	215	263	248	4009	4263	3968
	Từ 56 tuổi trở lên	406	360	370	1305	1286	1451
3	**Trình độ chuyên môn**						
	Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
	Trung cấp	0	0	0	146	106	136
	Cao đẳng	569	519	498	5.003	5.124	5.271
	Đại học	459	506	526	4569	4434	4236
	Thạc sỹ	108	146	177	307	356	442
	Tiến sỹ						
4	**Lĩnh vực đào tạo**	86	53	75	186	236	216
	Nội chính, pháp luật	25	29	21	108	143	148
	Quân đội	13	9	16	53	62	49
	Công an	460	490	447	5689	5567	5570
	Khoa học xã hội, nhân văn	290	301	321	2361	2253	2262
	Xây dựng Đảng	206	246	258	1326	1463	1523
	Hành chính nhà nước	56	43	63	302	296	317
	Đối ngoại, hợp tác quốc tế						
5	**Chức danh khoa học**	13	21	28	56	62	79
	Giáo sư	59	63	73	126	176	201
	Phó giáo sư						

TT	Chỉ tiêu	Diện BTV Tỉnh ủy quản lý			Diện BTV Huyện ủy quản lý		
		31/12/2010	31/12/2020	30/6/2023	31/12/2010	31/12/2020	30/6/2023
6	**Trình độ lý luận chính trị**	0	0	0	0	0	0
	Sơ cấp	26	19	21	356	406	426
	Trung cấp	1110	1152	1180	9669	9614	9659
	Cao cấp, cử nhân						

Người lập biểu

Nguyễn Bá Tùng
SĐT: 0914459352

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2023
T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Quang Trường